

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MUỐI VIỆT NAM VÀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MUỐI VIỆT NAM KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẦU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẦU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MUỐI VIỆT NAM

DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MUỐI VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5-7 Hàng Gà, Phường Hàng Bồ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84) 24 3825 7496 Fax: (84) 24 3824 3129

TỜ CHỨC THỰC HIỆN ĐẦU GIÁ



HANOI STOCK EXCHANGE
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 02, Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84) 24 35770825 Fax: (84) 24 3934 7818

TỜ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Địa chỉ: Số 72, Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84) 24 3928 8080 Fax: (84) 24 3928 9888

Hà Nội, năm 2021

MỤC LỤC

I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	5
II. GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....	7
1. Doanh nghiệp cổ phần hóa.....	7
2. Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh	9
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....	11
4. Cơ cấu tổ chức của Công ty trước cổ phần hóa	12
5. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần	23
6. Giá trị doanh nghiệp và phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp	23
7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp	27
8. Danh sách những công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.....	33
9. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm trước cổ phần hóa.....	34
10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	42
III. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA.....	45
1. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa	45
2. Hình thức cổ phần hóa	63
3. Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh từ 2021-2023	66
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ, GIÁ KHỞI ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH	75
V. RỦI RO DỰ KIẾN	77
1. Rủi ro về kinh tế.....	77
2. Rủi ro về luật pháp	77
3. Rủi ro về cân đối dòng tiền	78
4. Rủi ro đặc thù ngành	78
5. Rủi ro về đợt chào bán cổ phiếu.....	78
6. Các rủi ro khác	78
VI. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN.....	79
1. Phương thức bán cổ phần.....	79
2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán.....	81
VIII. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	83

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Các ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh.....	9
Bảng 2: Lao động của Công ty tại ngày 30/09/2019.....	23
Bảng 3: Lao động của Công ty sau khi chuyển sang công ty cổ phần.....	23
Bảng 4: Tổng hợp kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (theo phương pháp tài sản)	24
Bảng 5: Tổng hợp số liệu đất đang quản lý, sử dụng theo địa bàn	27
Bảng 6: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 30/09/2019.....	30
Bảng 7: Tình hình máy móc thiết bị tại thời điểm 30/09/2019	31
Bảng 8: Tình hình Phương tiện vận tải tại thời điểm 30/09/2019.....	32
Bảng 9: Thực trạng tài sản cố định theo giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2020	33
Bảng 10: Cơ cấu sản phẩm của Công ty năm 2018- 2020	36
Bảng 11: Cơ cấu doanh thu của Công ty năm 2018 - 2020	37
Bảng 12: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty năm 2018 - 2020	37
Bảng 13: Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2018-2020	38
Bảng 14: Danh sách Hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết bởi Visalco	40
Bảng 15: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	41
Bảng 16: Các ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh sau cổ phần hóa.....	45
Bảng 17: Các điểm điều chỉnh chính trong cơ cấu tổ chức.....	48
Bảng 18: Tổng nhu cầu vốn của Visalco sau cổ phần hóa.....	64
Bảng 19: Cấu trúc nguồn vốn của Visalco sau cổ phần hóa	65
Bảng 20: Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh từ 2021 – 2023	67
Bảng 21: Phương án sử dụng đất của Công ty sau cổ phần hóa	71
Bảng 22: Cơ cấu vốn điều lệ của Visalco sau cổ phần hóa.....	75
Bảng 23: Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành	81



DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

- Công ty TNHH MTV : Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
- Công ty : Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- CĐKT : Bảng cân đối kế toán
- CPH : Cổ phần hóa
- CTCP : Công ty cổ phần
- DNNN : Doanh nghiệp nhà nước
- ĐKKD : Đăng ký kinh doanh
- HDTV : Hội đồng thành viên
- UBND : Ủy ban nhân dân
- Vinafood1/TCTL/TMB : Tổng công ty Lương thực miền Bắc

I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và Công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính Phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và Công ty TNHH MTV do nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần; Thông tư số 34/2019/TT-BTC ngày 11/6/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2018/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và Công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Công văn số 808/TTg-ĐMDN ngày 26/06/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phương án tổng thể sắp xếp đổi mới Tổng công ty Lương thực Miền Bắc;

Căn cứ Quyết định 2869/QĐ-BNN-QLDN ngày 17/7/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về phê duyệt Phương án cơ cấu lại Tổng công ty Lương thực Miền Bắc (giai đoạn 2018 - 2020);

Căn cứ Quyết định 26/2019/QĐ-TTg ngày 15/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đến hết 2020 (trong đó Tổng công ty Lương thực Miền Bắc nhà nước nắm giữ 65% vốn điều lệ trở lên);

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-TCTLTMB- HĐTV ngày 05/9/2018 của HĐTV Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện phương án cơ cấu lại Tổng công ty Lương thực Miền Bắc (giai đoạn 2018 - 2020);

Căn cứ Quyết định số 335/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 23/09/2019 của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về việc thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 336/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 24/09/2019 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 17/10/2019 của HĐTV Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về việc phê duyệt Kế hoạch tiến độ cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 28/9/2020 của HĐTV Tổng công ty Lương thực miền Bắc về việc điều chỉnh tiến độ kế hoạch cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 135/QHLĐTL-CSLĐ ngày 26/3/2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc giải quyết chế độ đối với người quản lý doanh nghiệp cấp II bị dôi dư của Tổng công ty Lương thực miền Bắc;

Căn cứ Quyết định số 293/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 19/10/2020 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực miền Bắc về phê duyệt Phương án sử dụng lao động khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 29/09/2020 của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 20/11/2020 của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 25/12/2020 của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về việc phê duyệt sửa đổi, bổ sung Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 14/01/2021 của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về việc điều chỉnh số lượng cổ phần chào bán công khai ra công chúng tại Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 20/03/2020 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Gói thầu: Tư vấn bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 125/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 15/05/2020 của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Gói thầu: Tư vấn bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam;

Căn cứ Hợp đồng số 226/2020/BVSC-VISALCO/PTV-DG ngày 22/06/2020 giữa Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt và Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam về dịch vụ Tư vấn bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng để cổ phần hóa.

II. GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Doanh nghiệp cổ phần hóa

1.1. Thông tin cơ bản

Tên tiếng Việt	: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MUỐI VIỆT NAM
Tên tiếng Anh	: VIETNAM NATIONAL SALT COMPANY LIMITED
Tên viết tắt	: VISALCO., LTD
Địa chỉ trụ sở chính	: Số 5-7 Hàng Gà, Phường Hàng Bồ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại	: (84) 24 3825 7496
Fax	: (84) 24 3824 3129
Logo	:



Giấy CNĐKKD	: Số 0105873523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/04/2012, thay đổi lần thứ 9 ngày 17/06/2016
Vốn điều lệ	: 47.800.000.000 đồng (<i>Bằng chữ: Bốn mươi bảy tỷ tám trăm triệu đồng</i>).

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

a. Lịch sử hình thành Tổng công ty Muối (cũ):

Công ty Muối Trung ương thành lập theo Quyết định số 252/HĐBT ngày 15/10/1958 trên cơ sở sáp nhập giữa Cục công nghiệp Muối (Bộ Công nghiệp) và Công ty muối Trung ương (Bộ Nội thương cũ, nay là Bộ Công thương).

Ngày 17/05/1995, Bộ trưởng Bộ Thương mại thành lập Tổng công ty Muối (cũ) theo Quyết định số 414/TM-TCCB trên cơ sở Công ty Muối Trung ương. Đến tháng 12/1997, Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển Tổng công ty Muối (cũ) về Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn.

b. Việc sáp nhập Tổng công ty Muối (cũ) vào Tổng công ty Lương thực Miền Bắc và tổ chức lại để thành lập 03 Chi nhánh Muối trực thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Bắc (cuối 2009 đến tháng 3/2012):

Tổng công ty Muối cũ (Tổng công ty 90/TTg) và Tổng công ty Lương thực Miền Bắc (Tổng công ty 91/TTg) trước đây trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Theo chủ trương của Chính phủ, do hoạt động kinh doanh không hiệu quả và nhiều tồn tại về tài chính nên cuối năm 2009, Tổng công ty Muối (cũ) phải sáp nhập vào Tổng công ty Lương thực Miền Bắc theo văn bản số 2248/TTg-ĐMDN ngày 13/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3576/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/12/2009 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn.

Sau khi tiếp nhận Tổng công ty Muối, Tổng công ty Lương thực Miền Bắc trực tiếp quản lý các doanh nghiệp độc lập ngành muối là các Công ty có cổ phần, vốn góp; Còn cơ quan Văn phòng Tổng công ty Muối và các đơn vị phụ thuộc được tổ chức, sắp xếp lại và chuyển đổi thành 03 Chi nhánh muối hạch toán trực thuộc Tổng công ty Lương thực miền Bắc là: Chi nhánh Muối Việt Nam, Chi nhánh Thực nghiệm & Chuyển giao Công nghệ Muối biển và Chi nhánh muối Vĩnh Ngọc. Riêng Chi nhánh Muối Việt Nam hoạt động trên cơ sở kế thừa nguyên trạng tồn tại tài chính và lao động của Cơ quan Văn phòng Tổng công ty Muối chuyển sang (gồm: Văn phòng Tổng công ty Muối và 02 đơn vị phụ thuộc là Công ty xây dựng và tư vấn đầu tư + Công ty xuất nhập khẩu tổng hợp).

c. Thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tiếp nhận chuyển giao 02 Chi nhánh Muối trực thuộc Tổng công ty về Công ty (từ 4/2012 đến thời kỳ Tái cơ cấu giai đoạn 2012 - 2015 của Tổng công ty):

Thành lập công ty:

Thực hiện Phương án sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Bắc được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản số 2475/TTg-ĐMDN ngày 30/12/2011, Chi nhánh Muối Việt Nam được Tổng công ty chuyển đổi thành công ty TNHH MTV Muối Việt Nam (gọi tắt là công ty Muối Việt Nam, là công ty xếp hạng 2 do Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ). Công ty được thành lập theo Quyết định số 101/QĐ-TCTLTMB-TCLĐ ngày 06/4/2012 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực miền Bắc với vốn điều lệ là 20 tỷ đồng và kế thừa các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp, giải quyết các vấn đề tồn tại của Chi nhánh muối Việt Nam cũng như Tổng công ty Muối cũ. Công ty được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ tổ chức hoạt động ban hành kèm theo Quyết định số 285/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 10/8/2012 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực miền Bắc.

d. Việc chuyển giao 02 Chi nhánh Muối trực thuộc Tổng công ty (Chi nhánh Thực nghiệm & Chuyển giao Công nghệ Muối biển và Chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc) về công ty:

Theo Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty Lương thực Miền Bắc (giai đoạn 2012-2015) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 1894/QĐ-TTg ngày 14/12/2012, trên cơ sở Tờ trình số 55/CTMVN-HĐTV ngày 27/3/2013 của HĐTV Công ty về Phương án tiếp nhận 02 Chi nhánh Muối, HĐTV Tổng công ty Lương thực Miền Bắc đã quyết định

chuyển giao nguyên trạng 02 Chi nhánh Muối của Tổng công ty (Chi nhánh Thực nghiệm & Chuyển giao Công nghệ Muối biển và Chi nhánh muối Vĩnh Ngọc) về Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam quản lý theo Quyết định số 54/QĐ-TCTLTMB-TCLĐ ngày 03/4/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty (Công ty TNHH một thành viên Muối Việt Nam kế thừa các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp về đất đai, tài sản, lao động, tiền vốn, công nợ... của các Chi nhánh được chuyển giao về) với số vốn chuyển giao là 5,2 tỷ đồng (bằng giá trị vốn đầu tư của Tổng công ty tại 02 Chi nhánh Muối theo sổ sách tại thời điểm 31/3/2013...), nâng tổng vốn điều lệ của Công ty là: 25,2 tỷ đồng.

Công ty tiếp nhận Chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc (theo Quyết định số 16/QĐ-CTMVN-HĐTV ngày 09/4/2013) và Chi nhánh Thực nghiệm & Chuyển giao Công nghệ Muối biển (theo Quyết định số 17/QĐ-CTMVN-HĐTV ngày 09/4/2013) và thành lập 02 Chi nhánh Muối với cơ cấu tổ chức theo Phương án tiếp nhận. Chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc thành lập theo Quyết định số 18/QĐ-CTMVN-HĐTV ngày 09/4/2013 của HĐTV Công ty (giữ nguyên tên cũ), Chi nhánh Thực nghiệm & Chuyển giao Công nghệ muối biển thành lập theo Quyết định số 19/QĐ-CTMVN-HĐTV ngày 09/4/2013 của HĐTV Công ty (đổi tên thành Chi nhánh Muối Hà Nội và sử dụng tên trên cho đến nay).

Hoạt động đầu tư, phát triển của Công ty:

Năm 2014, Công ty thành lập Xưởng Sản xuất Muối chất lượng cao Quỳnh Yên trên cơ sở Quyết định 51A/QĐ-CTMVN-HĐTV ngày 18/8/2014 của HĐTV Công ty về duyệt bộ máy nhân sự của Xưởng.

Năm 2015, Công ty góp vốn với đối tác Nhật Bản thành lập Công ty Liên doanh: Công ty thực phẩm Hakumatsu INC Nhật Bản (theo công văn số 704/TCTLTMB-HĐTV ngày 20/8/2014 của HĐTV Tổng công ty Lương thực Miền Bắc-được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chấp thuận tại công văn số 6192/BNN-QLDN ngày 05/8/2014).

Năm 2017, Công ty xây dựng Kho chứa muối 1.500 tấn phục vụ cho Xưởng muối chất lượng cao tại Quỳnh Yên, Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

2. Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 0105873523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/04/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17/06/2016, ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng 1: Các ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác muối	0893 (Chính)
2	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất muối từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt	1079
3	Bán buôn gạo	4631



STT	Tên ngành	Mã ngành
4	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn muối công nghiệp	4669
5	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ lương thực	4721
6	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
7	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
8	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
9	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
10	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
11	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	4772
12	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ Bán lẻ hàng hóa phi lương thực, thực phẩm chưa được phân vào nhóm nào	4773
13	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
14	Bán buôn thực phẩm	4632
15	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
16	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
17	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
18	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

STT	Tên ngành	Mã ngành
19	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm: muối tắm và muối ngâm chân; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	2023

Nguồn: Giấy chứng nhận ĐKKD của Công ty TNHH Một Thành Viên Muối Việt Nam

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh muối, hiện tại mặt hàng sản phẩm của Công ty bao gồm:

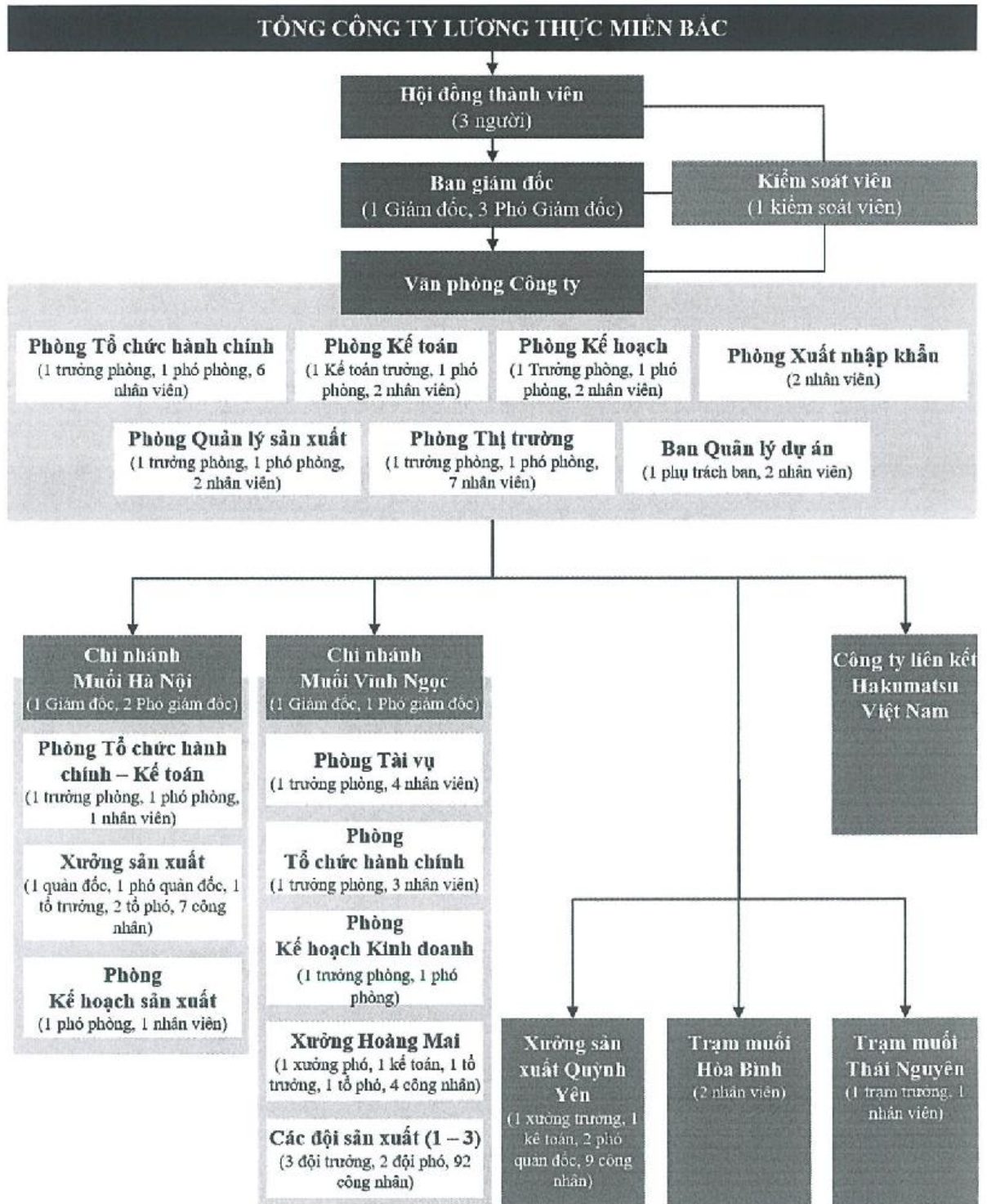
- Muối nguyên liệu: Muối Miền Bắc; Muối Miền Nam; Muối tinh nguyên liệu; Muối nguyên liệu làm hàng xuất khẩu.
- Muối thô nội địa: Loại 0,5kg (muối thô); Loại 0,7kg (muối thô); Loại 1kg (muối thô); Muối hạt đóng bao 20kg; Muối hạt Chi nhánh Hà Nội
- Muối thô i-ốt
- Muối tinh các loại: Loại 0,25kg; Loại 0,45kg (muối tinh); Loại 0,5kg tinh; Loại 01 kg tinh; Muối nguyên liệu các loại – Văn phòng Công Ty; Muối thành phẩm Chi nhánh Vĩnh Nhánh Vĩnh Ngọc – Hà Nội; Muối sấy bao 50kg-Chi nhánh Hà Nội.
- Muối xuất khẩu
- Muối khác
- Bột canh
- Muối Ô mai (Hộp)
- Muối Ôt (Hộp) + Tôm

Các sản phẩm Công ty cung cấp chủ yếu tập trung vào 2 nhóm chính là Muối nguyên liệu và Muối thành phẩm.

- Đối với hoạt động bán buôn gạo: Công ty phân phối chủ yếu loại gạo 5% tấm cung ứng xuất khẩu.

4. Cơ cấu tổ chức của Công ty trước cổ phần hóa

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của VISALCO trước cổ phần hóa



4.1. Hội đồng thành viên

- Xây dựng trình Tổng công ty phê duyệt và tổ chức thực hiện mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn, kế hoạch trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.
- Quyết định các dự án đầu tư xây dựng, mua sắm của Công ty theo Quy chế quản lý, phân cấp thực hiện dự án đầu tư của Tổng công ty và được quy định cụ thể trong Quy chế quản lý tài chính của Công ty.
- Quyết định phương án huy động vốn, hợp đồng mua bán và hợp đồng khác có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm gần nhất với thời điểm huy động vốn của Công ty trở xuống.
- Quyết định việc xây dựng và sử dụng thương hiệu; các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; phân công chuyên môn hoá, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và chia sẻ thông tin, thị trường, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ giữa Công ty và các công ty thành viên (nếu có).
- Quyết định phương án tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh, biên chế và sử dụng bộ máy quản lý, quy hoạch và đào tạo lao động của Công ty.
- Quyết định thành lập hoặc giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện theo đề nghị của Giám đốc và sau khi đã được Tổng công ty phê duyệt chủ trương.
- Ban hành các quy chế quản lý nội bộ, định mức kinh tế - kỹ thuật của Công ty; phê duyệt Quy chế Tổ chức quản lý và hoạt động của đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.
- Tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng hoặc kỷ luật; quyết định tiền lương, tiền thưởng và quyền lợi khác đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty sau khi được Tổng công ty chấp thuận;
- Thông qua đề Giám đốc quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và quyết định mức lương đối với Giám đốc, Phụ trách kế toán các đơn vị trực thuộc và Trưởng các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty;
- Quyết định điều động và điều chỉnh đối với vốn và các nguồn lực do Công ty uỷ quyền sử dụng giữa các đơn vị trực thuộc.
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh của Công ty trước khi trình Tổng công ty xem xét, quyết định.
- Tổ chức kiểm tra, giám sát Giám đốc Công ty, Giám đốc đơn vị hạch toán phụ thuộc theo quy định của Điều lệ này;
- Yêu cầu Giám đốc nộp đơn phá sản khi Công ty lâm vào tình trạng phá sản.
- Hội đồng thành viên trình Tổng công ty:
- + Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty;

- + Quyết định lương, phụ cấp lương và các chế độ khác đối với các thành viên Hội đồng thành viên;
- + Phê duyệt các dự án đầu tư, mua bán tài sản của Công ty vượt thẩm quyền quy định trong Quy chế quản lý và phân cấp đầu tư của Tổng công ty;
- + Phê duyệt phương án huy động vốn, hợp đồng mua bán và hợp đồng khác có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm gần nhất với thời điểm huy động vốn của Công ty
- + Phê duyệt thành lập, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện trong và ngoài nước;
- + Quyết định phương án chuyển đổi sở hữu, cơ cấu tổ chức và tổ chức lại Công ty.
- + Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, và hàng năm của Công ty;
- + Danh mục đầu tư đối với mức đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Tổng công ty;
- + Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung ngành, nghề kinh doanh;
- + Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức, cá nhân khác;
- + Phê duyệt tổng biên chế quản lý và người lao động Công ty; tổng quỹ tiền lương thực hiện của Công ty.
- + Phê duyệt báo cáo tài chính; phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ khác của Công ty; phương án xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh.
- + Ban hành Quy chế tài chính Công ty.
- Hội đồng thành viên sử dụng các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình. Ngoài ra, Hội đồng thành viên được thành lập bộ phận giúp việc chuyên trách và kiểm soát nội bộ là chuyên viên chính hoặc chuyên viên có ít nhất 05 năm kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ để giúp việc trực tiếp cho Hội đồng thành viên.
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

4.2. Giám đốc

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng thành viên, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng thành viên thông qua;
- Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, bao gồm cả việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên; Đối với các hợp đồng có giá trị vượt mức phân

cấp cho Giám đốc thì Giám đốc chỉ được ký kết sau khi có quyết định của Hội đồng thành viên.

- Tuyển dụng lao động theo biên chế đã được Hội đồng thành viên và Tổng công ty phê duyệt.

- Quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và phụ cấp (nếu có) đối với: Giám đốc, Phụ trách kế toán các đơn vị hạch toán phụ thuộc và các Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty sau khi được sự chấp thuận của Hội đồng thành viên; Phó các phòng, ban (hoặc các chức danh tương đương); Phó giám đốc đơn vị trực thuộc của Công ty;

- Kiến nghị Hội đồng thành viên về xây dựng chiến lược; kế hoạch phát triển dài hạn, kế hoạch trung hạn của Công ty.

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty, phương án huy động vốn, dự án đầu tư, phương án liên doanh, quy chế quản lý nội bộ của Công ty trình Hội đồng thành viên.

- Xây dựng và trình Hội đồng thành viên phê duyệt phương án cơ cấu tổ chức quản lý, quy hoạch đào tạo lao động, phương án chuyển đổi sở hữu.

- Xây dựng và trình Hội đồng thành viên phê duyệt các định mức kinh tế, kỹ thuật, tiêu chuẩn sản phẩm, đơn giá tiền lương phù hợp với các quy định của Nhà nước; tổ chức thực hiện định mức, tiêu chuẩn sản phẩm theo quy định của Công ty, Tổng công ty và của Nhà nước.

- Trình Hội đồng thành viên xem xét, quyết định hoặc để Hội đồng thành viên trình Tổng công ty quyết định (nếu vượt thẩm quyền của Hội đồng thành viên) các dự án đầu tư ra ngoài Công ty và các dự án đầu tư trong nội bộ Công ty vượt mức phân cấp cho Giám đốc.

- Quyết định các dự án đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản của Công ty theo Quy chế quản lý tài chính của Công ty, phân cấp của Hội đồng thành viên Công ty và quy định của pháp luật về đầu tư.

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng thành viên; chuẩn bị tài liệu cho các cuộc họp Hội đồng thành viên, báo cáo trước Hội đồng thành viên và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; thực hiện công khai các báo cáo tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

- Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật.

- Lập phương án phân phối lợi nhuận sau thuế của Công ty trình Hội đồng thành viên báo cáo Tổng công ty trước khi phê duyệt theo quy định của pháp luật.

- Được áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp và phải báo cáo ngay cho Hội đồng thành viên và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Được quyền phân cấp hoặc uỷ quyền cho người khác trong Công ty thực hiện từng phần hoặc một số quyền và nhiệm vụ của Giám đốc; chịu trách nhiệm về kết quả phân cấp hoặc uỷ quyền đó.
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.
- Được hưởng chế độ tiền lương theo năm. Mức tiền lương và mức tiền thưởng tương ứng với hiệu quả sản xuất, kinh doanh của Công ty do Hội đồng thành viên quyết định hoặc theo hợp đồng đã ký.
- Chế độ thanh toán, quyết toán tiền lương, tiền thưởng được thực hiện như đối với các thành viên chuyên trách của Hội đồng thành viên.

4.3. Kiểm soát viên

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng của Hội đồng thành viên, Giám đốc trong việc thực hiện quyền của Tổng công ty và trong việc quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty.
- Thẩm định trước khi trình Tổng công ty hoặc các cơ quan quản lý nhà nước các báo cáo của Công ty sau:
 - + Báo cáo tình hình kinh doanh;
 - + Báo cáo tài chính hàng năm;
 - + Báo cáo đánh giá công tác quản lý;
- Các báo khác theo yêu cầu của Tổng công ty hoặc cơ quan quản lý nhà nước.
- Kết quả thẩm định của Kiểm soát viên phải lập thành báo cáo và gửi cùng các báo cáo trên.
- Kiến nghị Tổng công ty hoặc Hội đồng thành viên các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành Công ty.
- Kiểm soát viên có quyền xem xét bất kỳ các hồ sơ, tài liệu nào của Công ty tại trụ sở chính, chi nhánh và văn phòng đại diện của Công ty. Các thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin, tài liệu về thực hiện quyền của chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên.
- Khi phát hiện thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng vi phạm nghĩa vụ, nhiệm vụ thì phải thông báo ngay bằng văn bản đến Hội đồng thành viên để xử lý và yêu cầu người vi phạm phải chấm dứt hành vi vi phạm hoặc phải có biện pháp khắc phục hậu quả. Trường hợp Hội đồng thành viên vi phạm nghiêm trọng thì phải báo Tổng công ty xử lý.
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này hoặc quyết định khác của Tổng công ty.

4.4. Phó Giám đốc

- Các Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành Công ty theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Việc ủy quyền có liên quan đến việc ký kết hợp đồng kinh tế hoặc liên quan đến sử dụng con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản. Việc ủy quyền có thể ủy quyền có thời hạn hoặc theo thời điểm, ủy quyền theo lĩnh vực hoặc theo từng việc.
- Trách nhiệm và quyền hạn Phó giám đốc trong phạm vi, nhiệm vụ được phân công:
 - + Chủ động điều hành, giải quyết công việc được phân công một cách toàn diện và hệ thống: chủ động quan hệ để giải quyết công việc với các đối tác, các cơ quan nhà nước tại các địa phương liên quan tới nhiệm vụ được phân công theo kế hoạch của công ty; báo cáo tình hình và xin ý kiến Giám đốc chỉ đạo kịp thời đối với những công việc phát sinh ngoài kế hoạch hoặc ngoài chủ trương.
 - + Chủ động phối hợp với các phó giám đốc khác giải quyết các công việc liên quan, trong quá trình phối hợp giải quyết công việc nếu có ý kiến khác nhau mà không thống nhất được thì báo cáo Giám đốc xem xét có quyết định cuối cùng.
 - + Trường hợp Phó giám đốc phụ trách lĩnh vực được phân công vì lý do riêng phải vắng mặt nhưng có công việc phải giải quyết ngay thì phải báo cáo Giám đốc để Giám đốc trực tiếp giải quyết hoặc phân công Phó giám đốc khác giải quyết thay công việc.
 - + Phó giám đốc có quyền chỉ đạo các phòng, ban nghiệp vụ thực hiện nhiệm vụ theo chức năng và chuyên môn của phòng, ban đó. Các trưởng, phó các phòng, ban có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ mà Phó giám đốc chỉ đạo.

4.5. Kế toán trưởng

- Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty; giúp Giám đốc giám sát tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền;
- Tiêu chuẩn, quyền hạn và trách nhiệm của của Kế toán trưởng áp dụng theo Luật Kế toán.

4.6. Các phòng/ban chuyên môn Văn phòng Công ty

a. Phòng Tổ chức hành chính

Công tác tổ chức cán bộ

- Tham mưu cho Giám đốc về phương án kiện toàn tổ chức, bộ máy quản lý theo hướng gọn và hoạt động có hiệu quả phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty
- Công tác đào tạo, tuyển dụng, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ. Trên cơ sở kế hoạch lao động, chủ trì và phối hợp với phòng Tài chính kế toán xây dựng đơn giá tiền lương và tổng quỹ tiền lương của Công ty

- Thực hiện các chính sách chế độ của người lao động: Lao động, tiền lương, BHXH, BHYT... của Công ty theo quy định của Bộ luật Lao động và pháp luật hiện hành
- Tham mưu cho Giám đốc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.
- Thường trực Hội đồng nâng lương của Công ty.
- Quản lý hồ sơ cán bộ, nhân viên Công ty.
- Tiếp nhận, tham mưu và xử lý theo thẩm quyền các đơn thư, khiếu nại, tố cáo. Tiếp các đoàn thanh tra (nếu có) và phối hợp các phòng ban liên quan chuẩn bị các tài liệu cần thiết theo yêu cầu đoàn thanh tra.
- Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng và kỷ luật.

Công tác hành chính

- Soạn thảo và trình lãnh đạo duyệt Nội quy làm việc của Công ty và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Nội quy.
- Bố trí sắp xếp chỗ làm việc cho các phòng, ban Công ty khoa học, hợp lý. Thực hiện việc bảo trì, sửa chữa thường xuyên. Quản lý các tài sản thuộc Văn phòng Công ty, sửa chữa và thay thế kịp thời các trang thiết bị hỏng hóc.
- Xây dựng, kiểm tra, mua sắm và hướng dẫn thực hiện các quy định, định mức của Công ty về tài sản và các trang thiết bị văn phòng.
- Mua sắm và cấp phát văn phòng phẩm.
- Lưu trữ hồ sơ tài liệu, công văn giấy tờ, sổ sách hành chính và con dấu, xác nhận sao chép các văn bản trong Công ty.
- Công tác lễ tân, tiếp khách, tổ chức các cuộc họp, hội nghị của Công ty.
- Thực hiện công tác bảo vệ nội bộ, an ninh trật tự, an ninh quốc phòng, tai nạn, bão lụt, thiên tai và an toàn vệ sinh, lao động, phòng cháy chữa cháy của Công ty, công tác tạp vụ, lao công.
- Quản lý xe ô tô, phương tiện đi lại đảm bảo xe phục vụ lãnh đạo và các phòng, ban đi công tác thuận lợi đúng quy định.
- Đề ra và theo dõi việc thực hiện các quy định về sử dụng điện, nước, điện thoại... của Công ty.
- Công tác thăm hỏi, ma chay, cưới xin, đau ốm với bản thân và gia đình CBCNV và quan hệ đối ngoại.
- Theo dõi, quản lý bếp ăn tập thể của Công ty.
- Có trách nhiệm phối hợp với Công đoàn Công ty chăm lo đời sống cho CBCNV các ngày lễ, tết, thăm quan, du lịch hàng năm.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Giám đốc.

b. Phòng Tài Chính Kế toán

- Thực hiện những công việc về nghiệp vụ chuyên môn theo đúng quy định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán.
- Ghi chép, theo dõi, phản ánh sự vận động vốn kinh doanh của Công ty. Cung cấp kịp thời cho lãnh đạo số liệu, tổng quát tình hình tài chính cũng như kết quả tài chính từng nghiệp vụ kinh doanh. Tham mưu cho Ban lãnh đạo về chế độ kế toán, thu thập xử lý thông tin có liên quan đến nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong Công ty. Giữ bí mật về số liệu kế toán và kinh doanh trong Công ty.
- Thực hiện giám sát việc quản lý tài sản, tiền vốn theo đúng chế độ quy định của pháp luật và của Công ty. Đặc biệt về tài sản cố định, hàng hóa, tiền mặt và công nợ.
- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và đề xuất các biện pháp để thực hiện tốt công tác kế toán, hạch toán. Lập báo cáo tài chính theo quý, năm theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của tất cả các loại chứng từ, hoàn chỉnh thủ tục trước khi trình Lãnh đạo duyệt. Thực hiện việc ghi chép và hạch toán đúng, đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phù hợp với Quy chế tài chính của Công ty và quy định của Pháp luật.
- Phối hợp với phòng, ban trong Công ty theo dõi, đôn đốc và thu hồi công nợ của khách hàng nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng nguồn vốn của Công ty.
- Xây dựng Quy chế tài chính nội bộ và định mức chi phí của Công ty.
- Tham mưu cho giám đốc trong lĩnh vực quản lý các hoạt động tài chính kế toán của Công ty và thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Giám đốc.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Giám đốc.

c. Phòng Kế hoạch

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, năm và dài hạn của Công ty.
- Theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý và năm. Phân tích, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng và 1 năm.
- Tổ chức thu mua, cung ứng vật tư, khai thác nguồn hàng, tiêu thụ sản phẩm và mở rộng thị trường theo sự phân công của Giám đốc.
- Soạn thảo các hợp đồng mua bán theo nhiệm vụ được Giám đốc phân công.
- Thống kê số liệu mua, bán, nhập, xuất, tồn kho hàng hóa. Cuối tháng, quý làm báo cáo về tình hình hàng hóa, vật tư gửi Lãnh đạo Công ty và phòng Tài chính kế toán.
- Thống kê các hồ sơ, hợp đồng, tài liệu, chứng từ mua bán hàng hóa và phối hợp với phòng kế toán thu hồi công nợ tiền bán hàng,

- Dự báo thường xuyên về cung cầu, giá cả hàng hóa thị trường muối trong phạm vi cả nước nhằm phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đảm bảo bí mật thông tin kinh tế đối với những người không có trách nhiệm để tránh thiệt hại cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công tác công nghệ thông tin của Công ty.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Giám đốc.

d. Phòng Quản lý sản xuất

- Quản lý chất lượng sản phẩm; xây dựng tiêu chuẩn chất lượng, đăng ký chất lượng sản phẩm; theo dõi và kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn sản phẩm.

- Tổ chức chế biến, sản xuất muối i ốt đảm bảo chất lượng để phục vụ cho công tác kinh doanh của Công ty.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và đề xuất các biện pháp giải quyết, điều chỉnh để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Quản lý nguyên liệu, vật tư phục vụ cho sản xuất...

- Công tác quản lý thương hiệu, xây dựng kế hoạch quảng bá thương hiệu, sản phẩm. Nghiên cứu, đề xuất mẫu mã bao bì, sản phẩm mới.

- Công tác quản lý an toàn, lao động, vệ sinh môi trường tại các cơ sở sản xuất,

- Tham mưu cho Giám đốc Công ty về quản lý chất lượng hàng hóa.

- Xây dựng các định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu trong sản xuất.

- Tổ chức thu mua, cung ứng vật tư, khai thác nguồn hàng, tiêu thụ sản phẩm và mở rộng thị trường theo sự phân công của Giám đốc.

- Soạn thảo các hợp đồng mua bán theo nhiệm vụ được Giám đốc phân công. Phối hợp với phòng kế toán thu hồi công nợ tiền bán hàng.

- Cuối tháng, quý lập báo cáo liên quan đến tình hình sản xuất phát sinh trong tháng, quý gửi về phòng Tài chính kế toán.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Giám đốc.

e. Phòng Xuất nhập khẩu

- Thực hiện xúc tiến, quảng bá sản phẩm, thương hiệu Công ty ra thị trường Quốc tế.

- Thực hiện công tác xuất nhập khẩu hàng hóa của Công ty.

- Tổ chức thu mua, cung ứng vật tư, khai thác nguồn hàng, tiêu thụ sản phẩm và mở rộng thị trường theo sự phân công của Giám đốc.

- Soạn thảo các hợp đồng mua bán theo nhiệm vụ được Giám đốc phân công. Phối hợp với phòng kế toán thu hồi công nợ tiền bán hàng.

- Giao dịch với khách hàng trong và ngoài nước, xây dựng phương án kinh doanh XNK và làm các thủ tục XNK hàng hóa.
- Tham mưu cho Giám đốc Công ty về các chính sách, thông lệ quốc tế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xuất nhập khẩu để phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty.
- Giúp Giám đốc các cuộc tiếp khách, đàm phán, giao dịch, ký kết hợp đồng với khách hàng nước ngoài.
- Giới thiệu, chào bán sản phẩm của Công ty tại các hội chợ triển lãm, khảo sát thị trường, trao đổi nghiệp vụ, thu thập thông tin nhằm mở rộng thị trường và mặt hàng mới.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Giám đốc.

f. Ban Quản lý dự án

- Tham mưu và trực tiếp giúp Giám đốc thực hiện các dự án ngành muối do Công ty làm chủ đầu tư bao gồm:

- + Các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quản lý đầu tư.

- + Các dự án sử dụng vốn đầu tư của Công ty.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Giám đốc.

g. Phòng Thị trường

- Tham mưu, lập phương án kinh doanh các sản phẩm muối và nguồn gốc từ muối (sau đây gọi tắt là các sản phẩm muối) cho HĐQT và Giám đốc Công ty theo nhu cầu thị trường đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội ngày càng cao.

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kinh doanh các sản phẩm muối thị trường theo kế hoạch được Giám đốc công ty giao đảm bảo sản lượng, doanh thu, chủng loại mặt hàng và có lợi nhuận ngày càng tăng trưởng

- Thực hiện nghiên cứu sản phẩm muối một cách toàn diện: mẫu mã, chủng loại, sản lượng, giá cả, kênh phân phối... đối với từng khách hàng và khu vực thị trường cụ thể.

- Lập và trình Giám đốc Công ty kế hoạch tháng, quý, năm, chi tiết về sản lượng, doanh số, vốn, chi phí, lợi nhuận... cho từng sản phẩm muối. Các phương án, giải pháp cần thiết để thực hiện. Triển khai thực hiện kế hoạch được duyệt.

- Thực hiện công tác quảng cáo, tiếp thị sản phẩm.

- Đề xuất và tham gia vào công tác nâng cao chất lượng sản phẩm, sản xuất ra các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Tổ chức mạng lưới bán hàng, kênh phân phối phù hợp, hiệu quả cho từng loại sản phẩm và khu vực thị trường, từ nơi sản xuất - vận chuyển - lưu kho - khách hàng.

- Quản lý chặt chẽ hàng hóa và tiền hàng theo quy định cụ thể của Công ty.

- Xây dựng các định mức chi phí bán hàng: vận chuyển, tiền công, tiền lương nhân viên, tiền thưởng, tỷ lệ hao hụt, chiết khấu bán hàng cho từng loại sản phẩm, cấp đại lý... Thực hiện tốt các định mức đã được duyệt đảm bảo ngày càng tiên tiến hóa.

- Nghiên cứu và áp dụng các phương pháp bán hàng mới hiệu quả hơn.
- Tiêu chuẩn hóa và đào tạo nhân viên bán hàng chuyên nghiệp phù hợp yêu cầu của Công ty.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty giao.

h. Chi nhánh Muối Hà Nội

- Thực hiện hoạt động sản xuất, khai thác muối, thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh theo sự chỉ đạo của Công ty.

- Quản lý đảm bảo an toàn về hàng hóa, tài sản của Chi nhánh, đảm bảo an toàn, lao động, vệ sinh môi trường sản xuất.

- Tổ chức sản xuất hàng hóa đảm bảo chất lượng.

- Trực tiếp khai thác thị trường và tổ chức tiêu thụ sản phẩm trên từng địa bàn được phân công.

- Cuối tháng, quý, năm làm báo cáo về vật tư, hàng hóa gửi phòng Tài chính kế toán.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Giám đốc.

i. Chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc:

- Thực hiện hoạt động khai thác muối, thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh theo sự chỉ đạo của Công ty.

- Quản lý đảm bảo an toàn về hàng hóa, tài sản của Chi nhánh, đảm bảo an toàn, lao động, vệ sinh môi trường sản xuất.

- Tổ chức sản xuất hàng hóa đảm bảo chất lượng.

- Trực tiếp khai thác thị trường và tổ chức tiêu thụ sản phẩm trên từng địa bàn được phân công.

- Cuối tháng, quý, năm làm báo cáo về vật tư, hàng hóa gửi phòng Tài chính kế toán.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Giám đốc.

j. Trạm muối Hòa Bình, Thái Nguyên và xưởng sản xuất Quỳnh Yên

- Thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh theo sự chỉ đạo của Công ty.

- Quản lý đảm bảo an toàn về hàng hóa, tài sản của Trạm. Đảm bảo an toàn, lao động, vệ sinh môi trường sản xuất

- Tổ chức sản xuất hàng hóa đảm bảo chất lượng.

- Trực tiếp khai thác thị trường và tổ chức tiêu thụ sản phẩm trên từng địa bàn được phân công.

- Cuối tháng, quý, năm làm báo cáo về vật tư, hàng hóa gửi phòng Tài chính kế toán.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Giám đốc.

5. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Số lượng lao động của VISALCO tính đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/09/2019 là 195 người, trong đó 149 người tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần.

Cơ cấu lao động theo trình độ như sau:

Bảng 2: Lao động của Công ty tại ngày 30/09/2019

Phân loại theo trình độ	Số lượng
Số lao động có trình độ đại học và trên đại học	61
Số lao động có trình độ cao đẳng và trung cấp	49
Số lao động là công nhân kỹ thuật/ dạy nghề	84
Số lao động khác	01
Tổng	195

Nguồn: VISALCO

Bảng 3: Lao động của Công ty sau khi chuyển sang công ty cổ phần

Phân loại theo trình độ	Số lượng
Số lao động có trình độ đại học và trên đại học	36
Số lao động có trình độ cao đẳng và trung cấp	32
Số lao động là công nhân kỹ thuật/ dạy nghề	21
Số lao động khác	60
Tổng	149

Nguồn: VISALCO

6. Giá trị doanh nghiệp và phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

- Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam đã thuê Công ty cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam (VVFC) làm đơn vị tư vấn xác định GTDN theo Hợp đồng xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa số 10311/HĐ-VVFC/BAN3 ngày 31/10/2019;

- Ngày 06/07/2020, Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam VVFC đã ký phát hành Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp thời điểm 30/9/2019 để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam;

- Ngày 24/9/2020, Công ty cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam VVFC, Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam và Ban chỉ đạo cổ phần hóa đã ký Biên bản

thẩm tra xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam;

- Ngày 29/09/2020, Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực miền Bắc đã ban hành Quyết định số 260/QĐ-TCTLTMB-HĐTV về Phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam, kết quả xác định giá trị doanh nghiệp được xác định như sau:

6.1. Giá trị doanh nghiệp và phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Bảng 4: Tổng hợp kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (theo phương pháp tài sản)

Đơn vị: Đồng

TT	Các chỉ tiêu chính	Số kế toán	Xác định lại	Chênh lệch tăng
A	Tài sản đang dùng	86.862.413.441	118.993.679.224	32.131.265.783
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	17.747.080.338	31.806.842.315	14.059.761.977
1	TSCĐ hữu hình	17.013.714.793	29.666.814.648	12.653.099.855
a	Nhà cửa, vật kiến trúc	13.477.615.945	24.129.216.239	10.651.600.294
b	Máy móc, thiết bị	754.233.708	1.555.882.413	801.648.705
c	Phương tiện vận tải	1.057.535.172	1.766.469.437	708.934.265
d	Thiết bị, dụng cụ quản lý	-	-	-
e	TSCĐ khác	1.724.329.968	2.215.246.559	490.916.591
2	TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
3	TSCĐ vô hình	-	-	-
4	Bất động sản đầu tư	-	-	-
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	315.000.000	691.798.499	376.798.499
a	Đầu tư vào công ty con	-	-	-
b	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	315.000.000	691.798.499	376.798.499
6	Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-
7	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
8	Tài sản dài hạn khác	418.365.545	1.448.229.169	1.029.863.624
a	Chi phí trả trước dài hạn	418.365.545	1.448.229.169	1.029.863.624
a1	Chi phí trả trước dài hạn	418.365.545	479.702.399	61.336.854
a2	Giá trị lợi thế kinh doanh	-	968.526.770	968.526.770
	+ Giá trị thương hiệu	-	968.526.770	968.526.770
	+ Giá trị tiềm năng phát triển	-	-	-
II	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	69.115.333.103	87.186.836.909	18.071.503.806
1	Tiền	2.514.184.498	2.515.023.201	838.703
a	Tiền mặt tồn tại quỹ	669.585.024	669.586.000	976
b	Tiền gửi ngân hàng	1.844.599.474	1.845.437.201	837.727



TT	Các chỉ tiêu chính	Số kế toán	Xác định lại	Chênh lệch tăng
2	Các khoản tương đương tiền	-	-	-
3	Đầu tư tài chính ngắn hạn	24.984.345.012	24.984.345.012	-
a	Chứng khoán kinh doanh	-	-	-
b	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	-	-
c	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24.984.345.012	24.984.345.012	-
4	Các khoản phải thu ngắn hạn	25.923.711.012	43.631.560.460	17.707.849.448
a	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	16.883.619.541	16.883.621.541	2.000
b	Trả trước cho người bán ngắn hạn	460.100.000	460.100.000	-
c	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
d	Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ XD	-	-	-
e	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-
f	Phải thu ngắn hạn khác	26.159.005.613	26.210.248.458	51.242.845
g	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(17.656.604.603)	-	17.656.604.603
h	Tái sản thiếu chờ xử lý	77.590.461	77.590.461	-
5	Vật tư hàng hóa tồn kho	14.352.771.510	14.352.771.510	-
a	Hàng tồn kho	14.352.771.510	14.352.771.510	-
6	Tài sản ngắn hạn khác	1.340.321.071	1.703.136.727	362.815.656
a	Chi phí trả trước ngắn hạn	102.079.255	362.824.411	260.745.156
b	Thuế GTGT được khấu trừ	1.230.341.052	1.230.341.052	-
c	Thuế và các khoản phải thu từ NN	7.900.764	109.971.264	102.070.500
B	Tài sản không cần dùng	-	-	-
C	Tài sản chờ thanh lý	-	-	-
D	Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP	86.862.413.441	118.993.679.224	32.131.265.783
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP	86.862.413.441	118.993.679.224	32.131.265.783
E1	Các khoản nợ thực tế phải trả	58.463.131.024	58.565.201.524	102.070.500

TT	Các chỉ tiêu chính	Số kế toán	Xác định lại	Chênh lệch tăng
E2	Số dư khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	835.727	835.727
E3	Số dư nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
	GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NN TẠI DOANH NGHIỆP	28.399.282.417	60.427.641.973	32.028.359.557

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản và phương pháp chiết khấu dòng tiền thuần vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam tại thời điểm 30/09/2019

- Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 30/09/2019 của Công ty là: **118.993.679.224** đồng, trong đó Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là: **60.427.641.973** đồng.

- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tăng 32.028.359.557 đồng so với giá trị sổ sách kế toán trước xử lý tài chính, mức tăng 112,7%.

- Tài sản không tính vào giá trị cổ phần hóa: Không

Ghi chú: Giá trị doanh nghiệp được phê duyệt và trình bày ở trên là giá trị làm cơ sở để xác định giá khởi điểm khi chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO)

6.2. Các vấn đề cần tiếp tục xử lý

Số liệu xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH một thành viên Muối Việt Nam tại thời điểm 30/09/2019 đã bao gồm:

- Các khoản nợ phải thu đã quá hạn, không đối chiếu xác nhận được và thực tế không thu hồi được nhưng không chứng minh được là không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật, với tổng số tiền: 17.623.673.815 đồng.

- Các khoản nợ phải trả quá hạn, chưa đối chiếu, xác nhận được với tổng số tiền là 25.681.450.547 đồng.

7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

7.1. Đất đai

Thực trạng sử dụng đất và diện tích sử dụng đất trước khi cổ phần hóa như sau:

Bảng 5: Tổng hợp số liệu đất đang quản lý, sử dụng theo địa bàn

TT	Địa bàn/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức quản lý sử dụng đất trước CPH	Mục đích sử dụng đất trước CPH	Ghi chú
I	Hà Nội	3.821,7				
1	Số 05-07 phố Hàng Gà, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	389,2	Hợp đồng thuê nhà đất số 139/XNHH/HĐTNCD (thuê nhà đất của Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà Hà Nội); Thời hạn thuê đến ngày 31/12/2016.	Thuê nhà	Sử dụng làm trụ sở chính, văn phòng làm việc, giới thiệu và bán sản phẩm của Công ty	- Nhà thuê của Công ty TNHH MTV Quản lý KD nhà Hà Nội (Tầng 1+2), ngoài ra có một phần diện tích công ty tự xây dựng (Tầng 3+4) - Giá trị được xác định để tính giá trị doanh nghiệp: 1.179.728.596 VND
2	Số 77 Nguyễn Công Trứ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	91	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 493838 ngày 28/12/2006; Thời hạn sử dụng: 40 năm kể từ 01/01/1999.	Thuê đất trả tiền hàng năm	Sử dụng làm cơ sở kinh doanh của Công ty.	
3	Tổ 2, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội	3.341,5	Giấy phép xây dựng 145/GP-UBXDCB TP Hà Nội ngày 4/8/1984; Hồ sơ thửa đất ngày 22/11/2005;	Thuê đất trả tiền hàng năm	Sử dụng làm văn phòng làm việc, xưởng sản xuất và lưu trữ sản phẩm của Chi nhánh Muối Hà Nội	
II	Thái Nguyên	2.538				

Theo công văn số 1638/UBND-KT ngày 08/05/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên về phương án sử dụng cơ sở nhà đất của Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên sau cổ phần hóa



TT	Địa bàn/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức quản lý sử dụng đất trước CPH	Mục đích sử dụng đất trước CPH	Ghi chú
1	Tổ 16, phường Quán Triều, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	2.538	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 553136 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 11/6/2012, thửa đất số 854, tờ bản đồ số 10, phường Quán Triều, TP Thái Nguyên.	Thuê đất trả tiền hàng năm	Sử dụng làm văn phòng của Trạm muối Thái Nguyên, địa điểm kinh doanh và kho chứa, trung chuyển sản phẩm	
III	Hòa Bình	652,8				
<i>Theo công văn 145/UBND-TCTM ngày 07/02/2020 của UBND tỉnh Hòa Bình ý kiến về phương án sử dụng cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam thuộc Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc</i>						
1	Số 2, Tổ 16, đường Ngô Quyền, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình	652,8	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 973262 ngày 09/11/2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp; Thời hạn sử dụng đến Tháng 12/2050.	Thuê đất trả tiền hàng năm	Sử dụng làm văn phòng của Trạm muối Hòa Bình, địa điểm kinh doanh và kho chứa, trung chuyển sản phẩm	
IV	Nghệ An	1.308.204,8				
<i>Theo công văn số 4179/UBND-KT ngày 01/07/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về phương án sử dụng đất các cơ sở nhà, đất của Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam trên địa bàn tỉnh Nghệ An</i>						
1	Xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	7.976	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 189903 ngày 10/09/2007 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An cấp; Thời hạn sử dụng đến hết ngày 17/7/2047	Thuê đất trả tiền hàng năm	Hiện đang được sử dụng làm văn phòng làm việc của Chi nhánh Vĩnh Ngọc	
2	Phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	1.708	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 189503 ngày 25/8/2008 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An cấp; Thời hạn sử dụng đến hết ngày 04/7/2048	Thuê đất trả tiền hàng năm	Sử dụng làm xưởng sản xuất và kho chứa muối của Chi nhánh Vĩnh Ngọc	
3	Xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	159.065,2	1. Biên bản kiểm tra thực địa ngày 17/06/2020 giữa Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An, UBND P. Mai Hùng và Chi nhánh muối Vĩnh Ngọc; kết quả đo đạc hiện trạng khu đất do Văn	Thuê đất trả tiền hàng năm	Sử dụng làm cánh đồng sản xuất muối phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh	Diện tích thực tế sử dụng là 176.225,9 m ²



TT	Địa bàn/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức quản lý sử dụng đất trước CPH	Mục đích sử dụng đất trước CPH	Ghi chú
			phòng đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An xác nhận ngày 22/06/2020 là: 176.225,9 m ² 2. Mặt bằng quy hoạch tổng thể cánh đồng muối Ngọc Huy được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt năm 2008.			
4	Phường Quỳnh Phương, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	262.032,2	1. Biên bản kiểm tra thực địa ngày 17/06/2020 giữa Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An, UBND phường Quỳnh Phương và Chi nhánh muối Vĩnh ; kết quả đo đạc hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An xác nhận ngày 22/06/2020 là: 270.680,5 m ² 2. Bản quy hoạch chi tiết cánh đồng muối Ngọc Huy được UBND huyện Quỳnh Lưu xác nhận năm 2008	Thuê đất trả tiền hàng năm	Sử dụng làm cánh đồng sản xuất muối phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh	Diện tích thực tế sử dụng là 270.680,5 m ²
5	Phường Mai Hùng, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	177.213,5	1. Biên bản kiểm tra thực địa ngày 17/06/2020 giữa Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An, UBND phường Mai Hùng và CN muối Vĩnh Ngọc; kết quả đo đạc hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An xác nhận ngày 22/06/2020 là: 241.370,5 m ² 2. Mặt bằng quy hoạch tổng thể cánh đồng muối Ngọc Huy được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt năm 2008.	Thuê đất trả tiền hàng năm	Sử dụng làm cánh đồng sản xuất muối, kho chứa muối phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh	Diện tích thực tế sử dụng là 241.370,5 m ²
6	Xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	142.016	1. Biên bản kiểm tra thực địa ngày 18/06/2020 giữa Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An, UBND xã Quỳnh Thuận và Chi nhánh muối Vĩnh Ngọc; kết quả đo đạc hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An xác nhận ngày 22/06/2020 là: 144.249,9 m ²	Thuê đất trả tiền hàng năm	Sử dụng làm cánh đồng sản xuất muối, kho chứa muối phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh	Diện tích thực tế sử dụng là 144.249,9 m ²

TT	Địa bàn/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức quản lý sử dụng đất trước CPH	Mục đích sử dụng đất trước CPH	Ghi chú
			2. Bản đồ quy hoạch chi tiết cánh đồng muối Vĩnh Yên được UBND huyện Quỳnh Lưu phê duyệt năm 2008			
7	Xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	558.193,9	1. Biên bản kiểm tra thực địa ngày 17/06/2020 giữa Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An, UBND xã Quỳnh Yên và CN muối Vĩnh Ngọc; kết quả đo hiện trạng khu đất do VP ĐK đất đai tỉnh Nghệ An xác nhận ngày 22/06/2020 là: 723.808 m ² . Bản đồ quy hoạch chi tiết cánh đồng muối Quỳnh Yên được UBND huyện Quỳnh Lưu duyệt năm 2008	Thuê đất trả tiền hàng năm	Sử dụng làm cánh đồng sản xuất muối, kho chứa muối phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh	Diện tích thực tế sử dụng là 723.808 m ²

Nguồn: Công ty TNHH Một Thành Viên Muối Việt Nam

7.2. Tài sản cố định chủ yếu của doanh nghiệp

Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp tại 30/09/2019 như sau:

Bảng 6: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 30/09/2019

Đơn vị: đồng

STT	Loại tài sản	Giá trị theo sổ sách		Giá trị xác định lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A	TSCĐ đang dùng	30.888.045.319	17.013.714.793	51.826.017.544	29.666.814.648
I	TSCĐ hữu hình	30.888.045.319	17.013.714.793	51.826.017.544	29.666.814.648
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	21.554.727.299	13.477.615.945	41.200.728.612	24.129.216.239
2	Máy móc, thiết bị	3.739.887.178	754.233.708	3.748.978.086	1.555.882.413
3	Phương tiện vận tải	3.110.689.499	1.057.535.172	3.187.893.346	1.766.469.437
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	-	-	-	-
5	TSCĐ khác	2.482.741.343	1.724.329.968	3.688.417.500	2.215.246.559
II	TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-
III	TSCĐ vô hình	-	-	-	-
B	TSCĐ không cần dùng	-	-	-	-



STT	Loại tài sản	Giá trị theo sổ sách		Giá trị xác định lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
C	TSCĐ chờ thanh lý	-	-	-	-
D	Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-
E	Tài sản khác	-	-	-	-
Tổng cộng		30.888.045.319	17.013.714.793	51.826.017.544	29.666.814.648

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam tại ngày 30/09/2019

Bảng 7: Tình hình máy móc thiết bị tại thời điểm 30/09/2019

Đơn vị: đồng

STT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị theo sổ sách		Giá trị xác định lại	
			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	VĂN PHÒNG CÔNG TY		657.614.910	377.056.680	666.705.818	471.683.802
1	Máy nghiền rửa muối Quỳnh Yên	1	190.861.000	128.301.038	190.861.000	128.301.038
2	Máy li tâm Quỳnh Yên - 7,5W	1	133.636.364	67.931.860	135.000.000	90.450.000
3	Máy li tâm Quỳnh Yên	1	107.272.728	52.742.449	115.000.000	75.900.000
4	Máy nghiền trục INOX xưởng Quỳnh Yên (5T/h)	1	34.060.000	27.248.000	34.060.000	31.675.800
5	Máy li tâm lồng đứng xưởng Quỳnh Yên	1	110.000.000	100.833.333	110.000.000	103.400.000
6	Máy trộn trạm Quán Triều	1	41.784.818	-	41.784.818	8.356.964
7	Máy sấy nông sản (100kg/mê)	1	40.000.000	-	40.000.000	33.600.000
II	CHI NHÁNH HÀ NỘI		2.604.416.268	263.386.739	2.604.416.268	807.465.711
8	Dây chuyền sản xuất muối tinh	1	1.040.831.761	84.902.673	1.040.831.761	312.249.528
9	Máy li tâm liên tục Trung Quốc	1	399.641.837	-	399.641.837	119.892.551
10	Máy trộn iot số 1	1	110.000.000	-	110.000.000	33.000.000
11	Máy sấy thêm động	1	981.329.250	132.733.739	981.329.250	294.398.775
12	Tháp lọc nước chạt	1	72.613.420	45.750.327	72.613.420	47.924.857
III	CHI NHÁNH VĨNH NGỌC		477.856.000	113.790.289	477.856.000	276.732.900
13	Máy bơm nước	1	54.428.000	-	54.428.000	29.935.400

STT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị theo sổ sách		Giá trị xác định lại	
			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
14	Máy xay muối tinh	1	144.798.000	-	144.798.000	43.439.400
15	Máy trộn muối tinh	1	124.300.000	39.300.569	124.300.000	84.524.000
16	Máy làm bột canh	1	37.400.000	4.395.660	37.400.000	28.798.000
17	Máy li tâm số 2	1	116.930.000	70.094.060	116.930.000	90.036.100
Tổng cộng			3.739.887.178	754.233.708	3.748.978.086	1.555.882.413

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam tại ngày 30/09/2019

Bảng 8: Tình hình Phương tiện vận tải tại thời điểm 30/09/2019

Đơn vị: đồng

STT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị theo sổ sách		Giá trị xác định lại	
			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	VĂN PHÒNG CÔNG TY		1.332.307.999	649.740.524	1.409.511.846	929.235.787
1	Xe bán tải Ford Ranger - Phòng Thị Trường	1	745.191.426	304.481.386	778.878.182	475.115.691
2	Xe Suzuki - Phòng Thị Trường	1	236.055.000	119.994.625	279.572.091	187.313.301
3	Xe tải Thaco - Phòng Kế hoạch	1	351.061.573	225.264.513	351.061.573	266.806.795
II	CHI NHÁNH HÀ NỘI		365.271.500	-	365.271.500	109.581.450
4	Xe ô tô Mitsubishi	1	365.271.500	-	365.271.500	109.581.450
III	CHI NHÁNH VĨNH NGỌC		1.413.110.000	407.794.648	1.413.110.000	727.652.200
5	Xe ô tô con Ford	1	435.150.000	-	435.150.000	130.545.000
6	Xe tải Hyundai	1	539.000.000	136.057.499	539.000.000	237.160.000
7	Xe tải TMT	1	438.960.000	271.737.149	438.960.000	359.947.200
Tổng cộng			3.110.689.499	1.057.535.172	3.187.893.346	1.766.469.437

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam tại ngày 30/09/2019

Bảng 9: Thực trạng tài sản cố định theo giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2020

Đơn vị: Đồng

STT	Tài sản cố định	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ Giá trị còn lại/ Nguyên giá
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	21.850.637.299	13.270.176.750	60,73%
2	Máy móc, thiết bị, dụng cụ quản lý	3.986.543.178	696.266.580	17,47%
3	Phương tiện	3.110.689.499	989.300.334	31,80%
4	Tài sản cố định khác	3.134.158.343	1.712.376.431	54,64%
Tổng		32.082.028.319	16.668.120.095	51,95%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020

Nguyên giá tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là: 5.006.293.734 VND

8. Danh sách những công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết

8.1. Công ty mẹ

Tổng công ty Lương thực Miền Bắc (Vinafood1)

- Địa chỉ: Số 6 phố Ngô Quyền, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 0100102608 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14/02/2020.
- Vốn điều lệ: 4.359.390.000.000 đồng.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Bán buôn gạo; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); và động vật sống;...
- Tỷ lệ vốn thực góp của Vinafood1 tại Visalco: 100%

8.2. Công ty con và công ty liên doanh, liên kết

- Công ty con: Không có
- Công ty liên doanh, liên kết:

Công ty TNHH Thực phẩm Hakumatsu:

- Địa chỉ: Xã Quỳnh Yên, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An.
- Giấy chứng nhận đầu tư số 271022000019 do UBND tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 30/01/2015
- Vốn điều lệ: 1.260.000.000 đồng

- Ngành nghề kinh doanh chính:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất muối (thực phẩm), muối ăn trộn I ốt	1079
2	Bán buôn gạo, thực phẩm (trong đó có muối ăn)	4631, 4632
3	Bán buôn muối dùng cho công nghiệp	4669
4	Bán lẻ lương thực, thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (trong đó có muối ăn)	4721, 4722

- Tổng giá trị vốn thực góp theo sổ sách: 315.000.000 đồng
- Danh sách thành viên của Công ty:

TT	Tên thành viên	Số vốn góp (đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)	Loại vốn góp
1	Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam	315.000.000	25	Tài sản
2	Công ty Hakumatsu Inc Nhật Bản	945.000.000	75	Tiền mặt
	Tổng cộng	1.260.000.000	100	

9. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm trước cổ phần hóa

9.1. Một số vấn đề cần lưu ý khi nghiên cứu các số liệu tài chính trong BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và năm 2020 của Công ty

- Tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của Công ty có ý kiến kiểm toán ngoại trừ, cụ thể như sau:

+ Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Tại ngày 31/12/2018, các khoản vay ngắn hạn với số nợ gốc là 25.060.609.920 VND (tại ngày 31/12/2017 là 25.060.609.920 VND) của hai công ty con của Công ty là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Ngành Muối và Công ty Xây dựng và Tư vấn Đầu tư đã giải thể từ năm 2009 và Công ty không lưu trữ hồ sơ, không có xác nhận số dư, chưa ước tính nghĩa vụ có thể phát sinh cho các khoản vay này. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp liên quan đến số dư này nên không đưa ra nhận xét về tính hiện hữu, đầy đủ và giá trị của khoản vay ngắn hạn này cũng như ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu khác được trình bày trên báo cáo tài chính.



Như trình bày tại Thuyết minh số 10 – Phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Chi nhánh Vĩnh Ngọc chưa được xây dựng được tiêu thức đánh giá giá trị sản phẩm dở dang cuối năm tài chính (có giá trị là 721.080.908 VND).

+ Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

▪ **Tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của Công ty có ý kiến kiểm toán ngoại trừ, cụ thể như sau:**

+ Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Tại ngày 31/12/2019, các khoản vay ngắn hạn với số nợ gốc là 25.060.609.920 VND (tại ngày 01/01/2019 là 25.060.609.920 VND), Công ty không lưu trữ hồ sơ, không có xác nhận số dư, chưa ước tính nghĩa vụ có thể phát sinh cho các khoản vay này. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp liên quan đến số dư này nên không đưa ra nhận xét về tính hiện hữu, đầy đủ và giá trị của khoản vay ngắn hạn này cũng như ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu khác được trình bày trên báo cáo tài chính.

+ Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

▪ **Tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty có ý kiến kiểm toán ngoại trừ, cụ thể như sau:**

+ Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Các khoản vay ngắn hạn với số nợ gốc tại ngày 31/12/2020 là 23.587.843.072 VND (tại ngày 01/01/2020 là 25.060.609.920 VND), tuy nhiên Công ty không lưu trữ hồ sơ, không có xác nhận số dư, chưa ước tính nghĩa vụ có thể phát sinh cho các khoản vay này. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp liên quan đến số dư này nên không đưa ra nhận xét về tính hiện hữu, đầy đủ và giá trị của khoản vay ngắn hạn này cũng như ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu khác được trình bày trên báo cáo tài chính.

+ Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

9.2. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

9.2.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

a. Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận sản phẩm qua các năm

✓ Đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh muối:

- Hiện nay cơ cấu sản phẩm muối của Công ty tập trung vào hai dòng sản phẩm chính là Muối nguyên liệu và Muối thành phẩm. Doanh thu đối với lĩnh vực này giảm đáng kể từ năm 2018 đến 2020, chủ yếu đến từ việc Công ty tạm dừng các hợp đồng cung cấp muối ký kết với một số tỉnh miền núi.

- Mặt hàng Muối thành phẩm là mặt hàng chủ chốt của Công ty, với sản lượng sản xuất chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng sản lượng sản xuất muối của Công ty. Mặt hàng này có biên lợi nhuận gộp khoảng 17% trong năm 2020 và tổng lợi nhuận gộp mặt hàng này chiếm 42% tổng lợi nhuận gộp của Công ty.

- Mặt hàng Muối nguyên liệu có biên lợi nhuận gộp biến động lớn trong những năm gần đây, cụ thể biên lợi nhuận mặt hàng này tăng từ 45% lên 65% từ năm 2018 đến 2020.

- Các mặt hàng Muối xuất khẩu có mức biên lợi nhuận tương đối cao so với các mặt hàng muối khác, ở mức 32-33%. Đây là mức biên lợi nhuận lý tưởng đối với các sản phẩm muối và cao nhất so với các mặt hàng khác của Công ty, các sản phẩm này chủ yếu được xuất khẩu sang các nước như Mỹ, Nhật Bản. Tuy nhiên tỷ trọng mặt hàng Muối xuất khẩu còn chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ trong tổng doanh thu thuần, chiếm khoảng 2% đến 3%.

✓ Đối với hoạt động bán buôn gạo:

- Khách hàng chính đối với mảng bán buôn gạo của Công ty là Tổng công ty Lương thực Miền Bắc, vì vậy sản lượng gạo công ty cung cấp tùy thuộc vào nhu cầu của Tổng công ty. Hiện nay, doanh thu hoạt động bán buôn gạo chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của Visalco, chiếm hơn 68% trong năm 2019. Do nhu cầu gạo của thị trường tăng mạnh nên doanh thu mảng hoạt động này tăng từ 65,05 tỷ đồng trong năm 2018 lên mức 163,96 tỷ đồng trong năm 2020. Tuy nhiên, do giá vốn hàng bán mặt hàng này cao dẫn tới biên lợi nhuận gộp tương đối thấp.

Bảng 10: Cơ cấu sản phẩm của Công ty năm 2018- 2020

Đơn vị: Tỷ

STT	Sản phẩm	2018	2019	2020
1	Muối Nguyên liệu	4.150	7.636	7.235
2	Muối thành phẩm	11.189	10.133	8.590
3	Gạo	6.986	13.513	17.474
Tổng		24.343	33.301	33.299

Nguồn: Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam

Bảng 11: Cơ cấu doanh thu của Công ty năm 2018 - 2020

Đơn vị: triệu đồng

STT	Sản phẩm	2018		2019		2020	
		Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
1	Muối nguyên liệu	6.669	5,7	12.667	8,3	6.988	3,5
2	Muối thành phẩm	43.991	37,6	34.409	22,4	26.899	13,5
3	Gạo	65.050	55,7	104.380	68,4	163.963	82,4
4	Hoạt động cho thuê nhà	1.052	1	1.222	0,9	1.188	0,6
Tổng		116.762	100	152.678	100	199.038	100

Nguồn: Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam

Bảng 12: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty năm 2018 - 2020

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Sản phẩm	2018		2019		2020	
		Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
1	Muối nguyên liệu	3.026	2,59	3.290	2,16	4.510	2,27
2	Muối thành phẩm	6.781	5,81	3.791	2,49	4.699	2,36
3	Gạo	1.194	1,02	1.015	0,67	533	0,27
4	Hoạt động cho thuê nhà	1.052	0,9	1.222	0,8	1.188	0,6
Tổng		12.053	10,32	9.318	6,11	10.930	5,49

Nguồn: Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam

b. Nguyên vật liệu

✓ **Đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh muối:**

- Nguồn muối cung cấp cho công ty chủ yếu đến từ việc thu mua từ các chủ hộ kinh doanh muối, với khối lượng khoảng 9.000 đến 10.000 tấn/năm, và phần còn lại là do Công ty tự khai thác và sản xuất. Đối với nguồn muối thu mua từ hộ kinh doanh, giá thành

mua trong những năm gần đây không biến động đáng kể. Đối với sản phẩm muối tự khai thác được Công ty sản xuất từ việc cho bay hơi nguồn nguyên liệu từ nước biển. Hiện nay công ty sở hữu 05 khu đất được sử dụng làm cánh đồng muối tại tỉnh Nghệ An, với tổng diện tích lên tới hơn 1,5 triệu m². Các đồng muối trải dài dọc bờ biển Nghệ An, nước biển có độ mặn cao, cộng với khí hậu khô nóng là điều kiện thuận lợi cho sản xuất muối, do vậy nguồn nguyên liệu nước biển phục vụ cho sản xuất của Công ty khá dồi dào, ổn định và chi phí thấp. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng các loại nguyên nhiên liệu khác như điện, bao bì,... để phục vụ cho quá trình sản xuất.

- Đối với sản phẩm muối, giá nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng khoảng 60% đến 70% cơ cấu giá thành sản phẩm, nên sự biến động của nguyên vật liệu đầu vào ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong trường hợp giá nguyên liệu đầu vào tăng lên sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến chi phí giá vốn từ đó làm giảm đáng kể lợi nhuận của Công ty.

✓ **Đối với hoạt động bán buôn gạo:**

- Đối với hoạt động bán buôn gạo, Công ty nhập gạo chủ yếu từ các đối tác là Công ty cổ phần Lương thực Hà Bắc – CN Đồng Tháp, Chi nhánh chế biến và xuất khẩu lương thực Đồng Tháp – Tổng công ty Lương thực Miền Bắc, và Chi nhánh Đầu tư và Phát triển vùng nguyên liệu đồng bằng sông Cửu Long – Tổng công ty Lương thực Miền Bắc. Loại gạo Công ty nhập chủ yếu là loại gạo tám 5% xuất khẩu. Tình hình bệnh dịch Covid 19 kéo dài khiến giá gạo đầu vào của Công ty tăng mạnh, tuy nhiên nhu cầu gạo từ phía khách hàng của Công ty vẫn cao nên hoạt động nhập gạo của Công ty vẫn diễn ra bình thường. Hiện nay giá nguyên liệu gạo đầu vào chiếm tỷ trọng khá lớn dẫn tới biên lợi nhuận gộp đối với mảng hoạt động này của Công ty tương đối thấp.

c. Chi phí sản xuất

Bảng 13: Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2018-2020

Đơn vị: VND

STT	Chi tiêu	2018		2019		2020	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	104.709.305.694	89,61%	143.160.179.846	93,84%	188.107.161.022	94,51%
2	Chi phí tài chính	496.278.129	0,42%	390.479.111	0,26%	285.804.731	0,14%
3	Chi phí bán hàng	6.941.566.948	5,94%	5.075.745.158	3,33%	5.725.034.305	2,88%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.693.770.498	9,15%	11.134.227.524	7,30%	10.807.656.012	5,43%
5	Chi phí khác	323.456.479	0,28%	217.207.255	0,14%	2.100.000	0,00%
	Tổng chi phí	123.164.377.748	105,40%	159.977.838.894	104,86%	204.927.756.070	102,96%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam

- Nhìn chung, Công ty đang gặp phải áp lực tương đối lớn về chi phí. Tổng doanh thu thu được của Công ty không đủ để bù đắp được các khoản chi phí chi tiêu trong năm gây ra tình trạng thua lỗ trong những năm gần đây, giảm năng lực cạnh tranh của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành.

- Hiện nay, giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Visalco. Từ năm 2018 đến năm 2020, tỷ lệ giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ trên doanh thu thuần gia tăng đáng kể, từ mức 89,61% lên mức 94,51%. Gánh nặng về chi phí giá vốn hàng bán là nguyên nhân chính dẫn tới tổng chi phí của cả doanh nghiệp luôn duy trì ở mức cao, từ đó dẫn tới hiệu quả trong hoạt động kinh doanh sụt giảm, doanh nghiệp ghi nhận lỗ trong các năm gần đây.

- Do việc thắt chặt quản lý chi tiêu, cắt giảm chi phí nên các chi phí như chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính của Công ty có sự cải thiện trong 3 năm gần đây. Tỷ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu thuần từ năm 2018 - 2020 giảm xuống còn 2,88%, chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần giảm xuống 5,43%.

d. Trình độ công nghệ

- Visalco đã đạt được một số thành tựu trong hoạt động nghiên cứu và triển khai khoa học công nghệ vào thực tiễn, góp phần quan trọng trong việc nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu về sử dụng muối ngày càng cao trong nước cũng như xuất khẩu.

- Công ty đã đầu tư các thiết bị, công nghệ tân tiến để tổ chức sản xuất các sản phẩm muối chất lượng cao, xây dựng thương hiệu riêng biệt để bán cho phân khúc thị trường cao cấp và phục vụ thị trường xuất khẩu. Đồng thời, công ty đầu tư công nghệ để sản xuất muối sạch, đầu tư hệ thống lắng lọc, loại bỏ tạp chất, tiếp tục ứng dụng sản xuất muối trải bạt, tiến hành thử nghiệm việc rửa muối tại đồng...

- Hiện tại sản phẩm muối của Visalco được sản xuất bằng hai phương pháp:

▪ **Kỹ thuật sản xuất muối phơi nước:** Bao gồm 05 bước chính: Lấy nước biển và chuẩn bị thiết bị sản xuất → Chết chát – Kết tinh thạch cao → Kết tinh muối phơi nước → Thu hoạch và bảo quản muối phơi nước → Thu hoạch thạch cao thô.

▪ **Kỹ thuật sản xuất muối phơi cát:** Bao gồm 03 bước chính: Cấp nước biển → Sản xuất cát mặn và lọc chết chát → Kết tinh muối.

e. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

- Hiện tại, phòng Quản lý sản xuất của Visalco trực tiếp thực hiện các công tác quản lý chất lượng sản phẩm, xây dựng tiêu chuẩn chất lượng, đăng ký chất lượng sản phẩm, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn sản phẩm.

- Ngày 18/10/2013, Công ty được tổ chức GIG (Guardian independent certification UK) cấp giấy chứng nhận HACCP (hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn) số N691078.

f. Hoạt động Marketing

- Visalco đẩy mạnh việc quảng bá thương hiệu thông qua việc xây dựng bộ nhận diện thương hiệu cho các sản phẩm của công ty (logo, bao bì,...), tổ chức các chiến dịch truyền thông qua các kênh quảng cáo, xây dựng website... Hiện tại, Công ty đang sở hữu website www.visalco.vn để quảng bá hình ảnh của doanh nghiệp.

g. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Công ty đã đăng ký hình ảnh logo, nhãn hiệu thương mại riêng cho sản phẩm dịch vụ của mình. Logo của Công ty với hình ảnh cánh chim hải âu bay trên đại dương, thể hiện mong muốn của Công ty phát triển xây dựng thương hiệu của mình không chỉ tại thị trường nội địa, mà còn vươn tới thị trường thế giới..



- Hiện nay công ty có 5 bằng sáng chế, trong đó có 4 bằng sáng chế độc quyền có khả năng chuyển giao công nghệ góp phần công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành muối Việt Nam.

- Năm 2013, Công ty đã được tổ chức GIG (Guardian independent certification UK) cấp chứng nhận HACCP (hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn, hay hệ thống phân tích, xác định và tổ chức kiểm soát các mối nguy trọng yếu trong quá trình sản xuất và chế biến thực phẩm) tạo thuận lợi cho sản phẩm muối của công ty xuất khẩu sang các thị trường lớn như Hoa Kỳ, Anh, Trung Quốc, Nhật Bản... những khu vực đòi hỏi khắt khe về việc đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

i. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 14: Danh sách Hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết bởi Visalco

Tên Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (VND)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm cung cấp	Đối tác trong Hợp đồng
Hợp đồng mua bán	128.433.507	7/11/2020	Muối xuất khẩu	RHEE BROS
Hợp đồng mua bán	71.190.000	30/9/2020	Muối thành phẩm	Công ty CPTP Richy Miền Bắc
Hợp đồng mua bán gạo xuất khẩu	3.885.000.000	29/2/2020	Gạo trắng	Tổng công ty lương thực Miền Bắc

9.3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018-2020

**Bảng 15: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
năm 2018 – 2020**

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	2020
1. Tổng giá trị tài sản	Đồng	90.654.092.638	81.552.296.706	61.870.147.032
2. Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán (Vốn chủ sở hữu)	Đồng	32.892.256.870	27.324.189.188	23.073.483.167
3. Nợ vay ngắn hạn	Đồng	30.772.540.920	27.881.846.920	26.535.080.072
Trong đó, nợ quá hạn	Đồng	-	-	-
4. Nợ vay dài hạn	Đồng	-	-	-
Trong đó, nợ quá hạn	Đồng	-	-	-
5. Nợ phải thu khó đòi	Đồng	17.670.296.603	17.661.604.603	17.593.674.053
6. Tổng số lao động	Người	213	215	195
7. Tổng quỹ lương	Đồng	13.571.611.092	13.754.015.960	12.754.539.720
8. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Đồng	5.309.707	5.323.262	5.450.658
9. Tổng doanh thu	Đồng	118.999.650.755	154.409.771.212	200.677.050.049
10. Tổng chi phí	Đồng	123.164.377.748	159.977.838.894	204.927.756.070
11. Lợi nhuận trước thuế	Đồng	(4.164.726.993)	(5.568.067.682)	(4.250.706.021)
12. Lợi nhuận sau thuế	Đồng	(4.164.726.993)	(5.568.067.682)	(4.250.706.021)
13. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước (*)	%	(11,91%)	(18,49%)	(16,87%)

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và 2020 của Công ty)

9.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

9.4.1. Thuận lợi

- Hiện tại, Công ty là doanh nghiệp duy nhất trên cả nước hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất, chế biến kinh doanh muối, hiện đang thuộc sở hữu 100% vốn của nhà nước (doanh nghiệp cấp 2 thuộc doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn). Công ty được kế thừa một số lợi thế về thương hiệu, hình ảnh, sản phẩm lâu đời của Tổng Công ty Muối Việt Nam cũ.

- Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam là một trong hai đơn vị chuyên ngành về muối duy nhất của Tổng Công ty Lương thực miền Bắc (doanh nghiệp còn lại là Công ty cổ phần Muối và Thương mại Hà Tĩnh, trong đó Tổng công ty Lương thực miền Bắc chỉ sở hữu 52% vốn góp). Do đó, các nhiệm vụ kinh doanh về muối hay khi có các nhiệm vụ an sinh xã hội về muối (phụ thu mua muối cho diêm dân...), Công ty là đơn vị chính được

Tổng Công ty Lương thực miền Bắc giao thực hiện trách nhiệm này. Trong những năm đầu hoạt động, Công ty đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

9.4.2. Khó khăn

- Hiện nay, Công ty kinh doanh mặt hàng chủ yếu là muối. Đây là mặt hàng có giá trị thấp, chi phí sản xuất cao và vấp phải sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường. Do đó, nếu vẫn chỉ duy trì kinh doanh chủ đạo là mặt hàng muối, công ty sẽ tiếp tục đối mặt với khó khăn.

- Những năm gần đây tổng chi phí của Công ty duy trì mức cao hơn so với tổng doanh thu hàng năm, gây ra phát sinh thua lỗ. Cụ thể trong năm 2020, tổng doanh thu của Công ty đạt khoảng 200,68 tỷ VND, tuy nhiên tổng chi phí phát sinh trong năm khoảng 204,93 tỷ VND.

- Giá thành sản xuất của Công ty hiện nay cao hơn nhiều so với giá bán trên thị trường, dẫn đến việc không thể cạnh tranh với các công ty cùng ngành. Giá thành sản xuất muối thô tại Chi nhánh Vĩnh Ngọc hiện khoảng 1.750 VND/kg, trong khi đó giá bán buôn muối lô lớn trên thị trường Nghệ An chỉ khoảng 1.400 – 1.500 VND/kg. Giá thành muối I ốt, muối tinh do Công ty sản xuất khoảng 3.000 VND/kg, trong khi đó giá bán thị trường khoảng 2.500 – 2.600 VND/kg.

- Lực lượng lao động hiện nay của Công ty chủ yếu là lực lượng lao động gián tiếp và là cán bộ công nhân viên của Văn phòng Tổng Công ty Muối Việt Nam trước đây. Do đó, về sức khỏe, tư duy, độ nhạy bén thị trường, những nhân sự này không còn phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh mặt hàng muối và cơ chế thị trường. Trong khi đó, Công ty lại thiếu trầm trọng lực lượng lao động trực tiếp, và lực lượng bán hàng, quảng bá truyền thông sản phẩm có chuyên môn, am hiểu thị trường, và đội ngũ kỹ thuật viên chuyên về sản xuất chế biến muối. Hơn nữa, Công ty cũng thiếu đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt trẻ, có tư tưởng quản lý mới, và nhạy bén với thị trường.

10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.1. Vị thế của Công ty trong ngành

- Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Bắc, là một trong những nguồn cung ứng muối thực phẩm uy tín tại Việt Nam. Với hơn 60 năm tồn tại và phát triển, Visalco từ nhà cung cấp muối thô cho tiêu dùng của nhân dân, bằng năng lực của mình, Công ty đã tạo ra công nghệ muối tinh hiện đại, cung cấp ra thị trường các sản phẩm muối chất lượng cao. Hiện nay, Công ty đang là một trong những nhà cung cấp muối chiếm thị phần lớn nhất trên cả nước, có hệ thống đại lý và các chi nhánh phân phối của từng đơn vị thành viên và các siêu thị lớn.

- Sản phẩm muối của Công ty được sản xuất bằng công nghệ sạch, cô đặc lọc nước biển bằng cát và năng lượng mặt trời. Đây là công nghệ tiên tiến ở miền Bắc Việt Nam, giúp cho muối có vị mặn dịu, ngon thuần khiết đặc trưng không mặn gắt, rất hòa tan khi chế biến. Sản phẩm muối biển miền Bắc VNF1 là hỗn hợp muối có nhiều thành phần

muối khoáng khác nhau trong đó thành phần chính NaCl chiếm nhiều nhất 80-82%, còn lại 10-15% là các muối khoáng MagiêClorua; Magiesunphats, CanxiSunphat; CanxiClorua, KaliClorua và có tới 50ppm của trên 60 nguyên tố vi lượng khác như: Sắt, Kẽm, Đồng, Selen, Crom, Flo, Iốt, Brom, Giecmanni, Molipden. Đặc biệt hơn các khoáng chất này hình thành tồn tại theo tỷ lệ cố định tự nhiên, tương hợp gần đúng với tỷ lệ các nguyên tố hóa học trong cơ thể con người nhất là trong máu và các dịch thể khác. Chính với những giá trị khác biệt về thành phần hóa học bởi số lượng, chủng loại thành phần các vi khoáng dinh dưỡng nên sản phẩm muối biển của Visalco có chất lượng và giá trị cao.

10.2. Triển vọng phát triển của ngành

- Nghề làm muối ở Việt Nam là một nghề truyền thống từ lâu đời, diêm dân cần cù, chịu khó, có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất muối và có thể tạo ra loại muối phơi cát chứa nhiều loại khoáng chất tốt cho sức khỏe con người. Với ưu điểm này, hiện nay, sản phẩm muối của Việt Nam đã chinh phục thành công các thị trường khó tính như: Nhật Bản, Mỹ, Hàn Quốc... với số lượng xuất khẩu ngày càng tăng. Cụ thể, lượng xuất sang Nhật Bản đạt 2.000 tấn/năm; Mỹ đạt 800 tấn/năm (chủ yếu là muối phơi cát thủ công của khu vực Nghệ An). Đồng thời, ngành muối cũng đang có những lợi thế nhất định để phát triển theo hướng công nghiệp với năng suất, chất lượng cao, phục vụ tốt nhu cầu tiêu dùng trong nước, cũng như cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

- Trong năm 2018, diện tích sản xuất muối cả nước là 13,4 nghìn ha, sản lượng muối đạt xấp xỉ 966 nghìn tấn. Do sản lượng tăng cao, đã xảy ra tình trạng cung vượt cầu, khi tổng nguồn cung năm 2018 lên tới 1.686 nghìn tấn (bao gồm: Muối tồn kho luân chuyển từ năm 2017 sang 140 nghìn tấn, nhập khẩu trong và ngoài hạn ngạch hải quan 580 nghìn tấn). Trong khi nhu cầu sử dụng muối trong năm là 1.480 nghìn tấn, nên có tới 206 nghìn tấn muối được luân chuyển sang năm 2019.

- Ngành muối 2019 được đánh giá là một năm được mùa, giá tốt nhờ thời tiết thuận lợi. Theo thống kê diện tích sản xuất muối 2019 của cả nước năm ước đạt 13.585 ha (muối thủ công là 9.272 ha, muối công nghiệp là 4.313 ha); sản lượng đạt 310 nghìn tấn. Lượng muối tồn trong dân và một số doanh nghiệp hiện vào khoảng 269 nghìn tấn.

- Theo dự báo, ngành muối Việt Nam sẽ là ngành kinh tế phải chịu tác động sớm nhất, trực tiếp nhất, nặng nề nhất khi nước biển dâng và hàng chục nghìn ha diện tích sản xuất muối sẽ có nguy cơ dần dần bị xóa sổ theo thời gian. Trong khi hội nhập kinh tế kèm theo đó những yêu cầu về ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật cao trong sản xuất, sự gia tăng về năng suất, giảm số lượng lao động thủ công... cũng đang đặt ngành muối trước yêu cầu cần đổi mới sản xuất và đẩy mạnh phát triển bền vững trong thời gian tới.

- Những năm gần đây, ngành sản xuất và kinh doanh muối tại miền Bắc bị ảnh hưởng mạnh bởi diễn biến thời tiết thất thường, đồng thời bị cạnh tranh bởi nguồn muối nhập khẩu quá lớn từ Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan,... và nguồn muối miền Nam giá thành rẻ cùng số lượng lớn bán ra. Thị trường bị thu hẹp, giá thành sản phẩm thấp, tính chất ngành sản xuất muối vất vả, tốn nhiều công sức dẫn đến việc sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành kém hiệu quả và thiếu hụt trầm trọng lao động trẻ.

- Trong kế hoạch phát triển ngành muối mới đây, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1325/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển ngành muối giai đoạn 2021 – 2030. Mục tiêu của Đề án là phát triển ngành muối theo hướng hiệu quả, bền vững trên cơ sở tận dụng tối đa lợi thế của các địa phương có truyền thống sản xuất muối để nâng cao năng suất, chất lượng và đa dạng hóa các loại sản phẩm về muối nhằm đáp ứng nhu cầu muối trong nước, hướng đến xuất khẩu muối và tạo việc làm, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống của người dân làm muối.

+ Mục tiêu đến năm 2025: Tổng diện tích sản xuất muối duy trì 14.500 ha, sản lượng đạt 1.500.000 tấn/năm trong đó diện tích sản xuất kết tinh trên nền trải bạt 5.000 ha, sản lượng đạt 650.000 tấn (chiếm 43%), sản lượng muối chế biến đạt 500.000 tấn; Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng đồng muối nhất là hệ thống thủy lợi đồng muối; Ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến muối, tăng năng suất tối thiểu 20%...

+ Mục tiêu đến năm 2030 tổng diện tích muối là 14.244 ha, sản lượng đạt 2 triệu tấn/năm, đáp ứng nhu cầu trong nước; Đầu tư phát triển sản xuất muối quy mô công nghiệp, hình thành vùng trọng điểm sản xuất muối quy mô công nghiệp tại các tỉnh Nam Trung Bộ...

- Khi sản xuất ngày càng phát triển, đời sống người dân ngày càng được nâng cao, nhu cầu về muối cũng tăng cao phục vụ cho các nhu cầu đa dạng như sản xuất thực phẩm, dùng trong công nghiệp, dùng trong dược mỹ phẩm, dùng trong tẩy rửa,... Thị trường muối Việt Nam đang ngày càng trở nên tiềm năng, do đó nếu biết tận dụng lợi thế này, Công ty sẽ hoạt động hiệu quả và phát triển.

10.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

- Định hướng về phát triển của Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới. Thông qua việc chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần, Công ty sẽ huy động được các nguồn lực trong xã hội về cả vốn lẫn nhân lực từ mọi tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước. Các pháp nhân, cá nhân tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp giúp đổi mới và phát triển doanh nghiệp, tạo việc làm cho người lao động, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương, thay đổi phương thức quản lý doanh nghiệp, tạo động lực phát triển, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

III. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa

1.1. Thông tin cơ bản

Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI VIỆT NAM
Tên tiếng Anh : VIET NAM SALT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt : VISALCO., LTD
Địa chỉ trụ sở chính : Số 5-7 Hàng Gà, Phường Hàng Bồ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại : (84) 24 3825 7496
Fax : (84) 24 3824 3129
Logo :



1.2. Hình thức pháp lý

- Công ty TNHH Một Thành Viên Muối Việt Nam sau cổ phần hóa sẽ là công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, tổ chức và hoạt động theo điều lệ của Công ty Cổ phần Muối Việt Nam; Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp lý khác liên quan.

- Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa: Kế thừa các ngành nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105873523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/04/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17/06/2016, ngành nghề kinh doanh của Công ty dự kiến như sau:

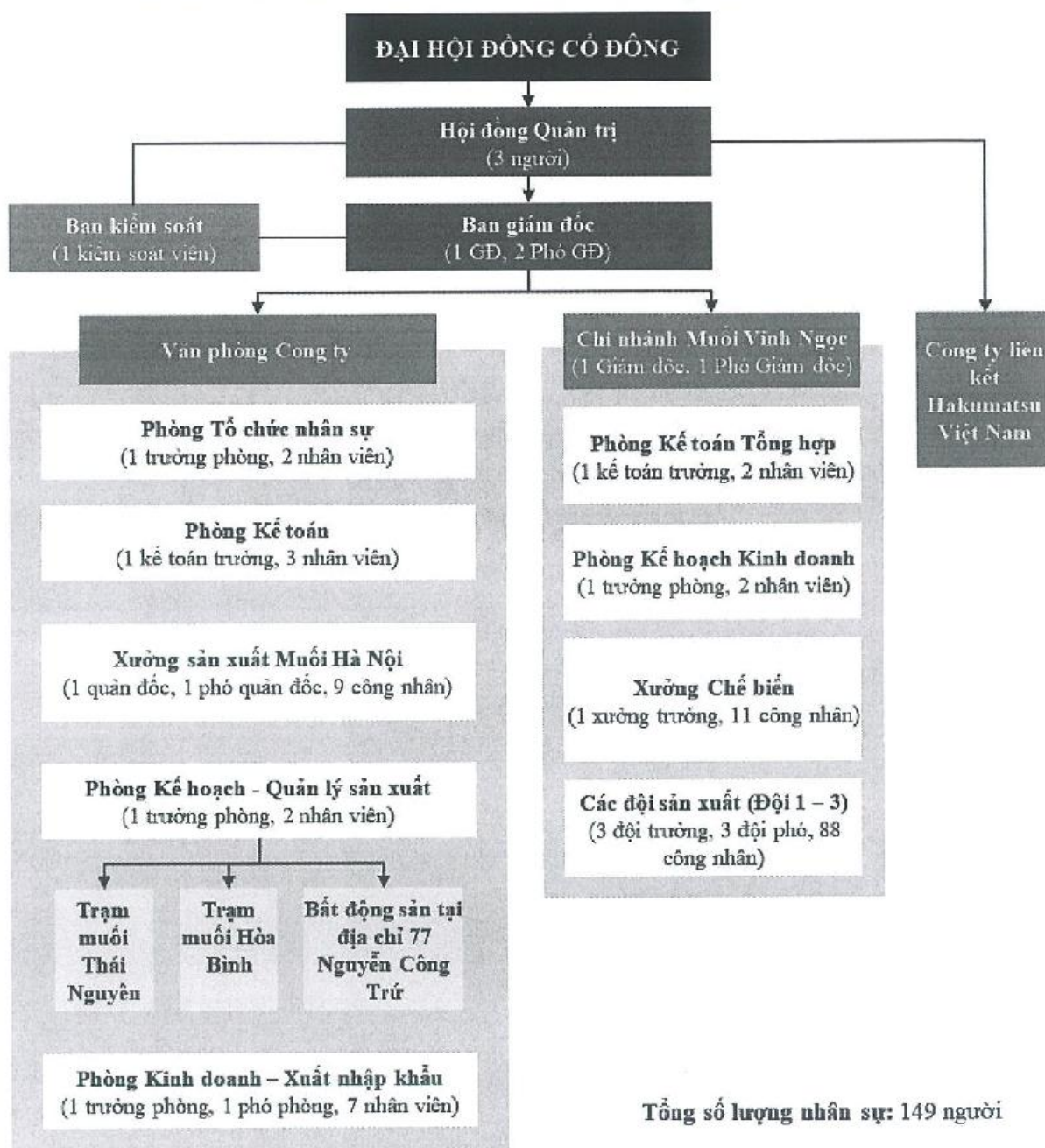
Bảng 16: Các ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh sau cổ phần hóa

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác muối	0893 (Chính)
2	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất muối từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt	1079
3	Bán buôn gạo	4631

STT	Tên ngành	Mã ngành
4	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn muối công nghiệp	4669
5	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ lương thực	4721
6	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
7	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
8	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
9	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
10	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
11	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	4772
12	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ Bán lẻ hàng hóa phi lương thực, thực phẩm chưa được phân vào nhóm nào	4773
13	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
14	Bán buôn thực phẩm	4632
15	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
16	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
17	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
18	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
19	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm: muối tắm và muối ngâm chân; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	2023

1.3. Cơ cấu tổ chức của Visalco sau cổ phần hóa

Sơ đồ 2: Cơ cấu tổ chức của Visalco sau cổ phần hóa



Bảng 17: Các điểm điều chỉnh chính trong cơ cấu tổ chức

STT	Mô tả điều chỉnh	Hiện trạng và giải thích điều chỉnh
Điều chỉnh 1	Giải thể chi nhánh Muối Hà Nội, sáp nhập Xưởng sản xuất của Chi nhánh Muối Hà Nội (cũ) vào Văn phòng công ty	
	- Giải thể chi nhánh Muối Hà Nội, sáp nhập Xưởng sản xuất của chi nhánh Hà nội (cũ) vào Văn phòng công ty, chuyển thể thành Xưởng sản xuất Muối Hà Nội nhằm tinh gọn, giảm thiểu sự trùng lặp và chồng chéo của bộ máy hiện tại	- Hiện nay, chi nhánh Hà Nội và Văn phòng Công ty cùng có địa bàn kinh doanh Hà Nội và cùng kinh doanh một số dòng sản phẩm, nhưng chi nhánh Hà Nội lại đang là đơn vị hạch toán độc lập, với hoạt động sản xuất kinh doanh riêng biệt, hoạt động tổ chức hành chính, tài vụ độc lập so với Văn phòng Công ty - Chi nhánh Muối Hà Nội hiện có 19 nhân sự, trong đó có 8 nhân sự gián tiếp, phụ trách kinh doanh và tổ chức hành chính. Bộ máy nhân sự gián tiếp, khi duy trì Chi nhánh Hà Nội là hệ thống độc lập với Văn phòng Công ty, chồng chéo và có nhiều sự trùng lặp - Do đó, chi nhánh Hà Nội nên được giải thể, xưởng sản xuất của chi nhánh Hà Nội (cũ) sau đó sẽ sáp nhập với Văn phòng Công ty để cắt giảm chi phí nhân sự gián tiếp và tăng hiệu quả quản lý. - Sau khi giải thể và sáp nhập, phòng Tổ chức Hành chính chi nhánh Hà Nội sẽ được loại bỏ. Toàn bộ hoạt động tuyển dụng, đánh giá nhân sự sẽ được phòng Tổ chức Hành chính của Văn phòng Công ty chịu trách nhiệm - Phòng Kế hoạch sản xuất tại chi nhánh Hà Nội cũng sẽ được loại bỏ. Toàn bộ các công tác xây dựng kế hoạch sản xuất sẽ được thực hiện bởi phòng Kế hoạch - Quản lý sản xuất của Văn phòng Công ty - Toàn bộ các hoạt động kinh doanh hiện có của chi nhánh Muối Hà Nội sẽ được thực hiện bởi phòng kinh doanh của Văn phòng Công ty
Điều chỉnh 2	Chuyên môn hóa chức năng sản xuất và lưu trữ về Xưởng sản xuất Muối Hà Nội	

2.1	- Tập trung khối sản xuất của Văn phòng Công ty và Chi nhánh Hà Nội cũ về Xưởng sản xuất muối Hà Nội	- Phòng Quản lý sản xuất của Văn phòng công ty đang trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất một số sản phẩm (muối tắm, muối ngâm chân, muối ớt, muối ô mai). Các hoạt động sản xuất này được thực hiện tại nhà máy ở Gia Lâm, thuộc quyền quản lý của chi nhánh Hà Nội. - Hiện tại, các hoạt động sản xuất tại chi nhánh Hà Nội và tại Văn phòng công ty đang được thực hiện manh mún, nhỏ lẻ, thiếu sự liên kết. Cả hai đơn vị đều cùng sản xuất tại nhà máy của chi nhánh Hà Nội tại Gia Lâm, cùng sử dụng một số máy móc trong quá trình sản xuất, nhưng lại được quản lý bởi hai hệ thống riêng rẽ. - Sau khi giải thể và sáp nhập, xưởng sản xuất Muối Hà Nội sẽ chỉ tập trung vào nhiệm vụ sản xuất hàng hóa và quản lý kho hàng cho cả 2 đơn vị là Văn phòng Công ty và Chi nhánh Hà Nội cũ. - Xưởng sản xuất Hà Nội sẽ trực thuộc Văn phòng Công ty, do đó, xưởng sản xuất Hà Nội sẽ có vai trò tương đương với vai trò của các phòng ban khác tại Văn phòng Công ty. - Mặc dù các công tác như tuyển dụng nhân sự, tính bảo hiểm ... của Xưởng sản xuất Muối Hà Nội đã được thực hiện bởi phòng Tổ chức Nhân sự, Quản đốc và Phó Quản đốc xưởng vẫn sẽ phải chịu trách nhiệm tính công cho đội ngũ nhân viên của xưởng sản xuất. - Một số lợi ích mang lại của việc tập trung hóa công tác sản xuất: + Nâng cao hiệu quả sản xuất bằng việc tận dụng được cơ sở vật chất, nguồn nhân công và hệ thống kho tàng, từ đó hướng đến việc sản xuất các đơn hàng lớn. + Nâng cao hiệu quả công tác quản lý khi tập trung hóa về 1 đầu mối. + Đồng bộ hóa chất lượng sản phẩm, hỗ trợ việc kiểm soát chất lượng đầu ra được chuyên môn hóa.
2.2	- Chuyển các trạm muối Hòa Bình và Thái Nguyên cho Phòng Kế hoạch -	- Hiện tại 2 trạm muối Hòa Bình và Thái Nguyên đang thuộc quyền quản lý của phòng Kế hoạch (cũ) tại Văn phòng Công ty, và chủ yếu phụ trách công tác sản xuất,

	Quản lý sản xuất tại Văn phòng Công ty quản lý	gia công, chế biến hàng hóa cũng như vận hành nhà kho lưu trữ. - Do đó, các trạm muối được khuyến nghị chuyển về dưới quyền quản lý của Phòng Kế hoạch - Quản lý sản xuất nhằm tập trung hóa bộ máy sản xuất cũng như tập trung hệ thống kho vận tại miền Bắc của công ty dưới một đầu mối quản lý. - Sau khi chuyển đổi, các trạm muối sẽ chịu trách nhiệm sản xuất hàng hóa và lưu trữ, phân phối hàng hóa theo yêu cầu của Phòng Kế hoạch - Quản lý sản xuất thuộc Văn phòng Công ty.
2.3	- Điều chỉnh lại chức năng nhiệm vụ của Phòng Kế hoạch - Quản lý sản xuất theo hướng chuyên môn hóa hoạt động quản lý sản xuất	- Hiện nay, hoạt động sản xuất của công ty tại khu vực miền Bắc đang bị phân tán. Cả Văn phòng Công ty, chi nhánh Hà Nội và 2 trạm muối đều tham gia vào hoạt động sản xuất. Tuy nhiên các hoạt động sản xuất này không được lên kế hoạch đồng bộ, không có đầu mối thống nhất chịu trách nhiệm quản lý. Việc này khiến Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc đồng bộ hoạt động sản xuất, tối ưu hóa những nguồn lực sẵn có. - Với định hướng tập trung hóa sản xuất về Văn phòng, Công ty cần có một đầu mối chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch sản xuất đồng bộ cho toàn bộ các đơn vị sản xuất, bao gồm Xưởng sản xuất Hà Nội, Trạm muối Hòa Bình và Trạm muối Thái Nguyên. Do đó, Phòng Kế hoạch - Quản lý sản xuất sẽ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch sản xuất, đánh giá chất lượng sản phẩm đầu vào, đầu ra của Xưởng sản xuất Hà Nội. - Ngoài ra, phòng Kế hoạch – Quản lý Sản xuất cũng sẽ hỗ trợ Xưởng sản xuất Hà Nội trong việc điều động lao động bốc xếp hàng hóa và các công việc liên quan đến kho vận. - Phòng Kế hoạch – Quản lý Sản xuất sẽ không trực tiếp tham gia vào quá trình hoạt động, vận hành của Xưởng sản xuất Muối Hà Nội mà chỉ chịu trách nhiệm cung cấp kế hoạch sản xuất và đánh giá chất lượng các sản phẩm muối.

		- Việc này giúp gia tăng sự nhất quán, đồng bộ trong hoạt động sản xuất của công ty, tạo điều kiện thuận lợi trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất cũng như việc đánh giá và quản lý hiệu quả sản xuất.
Điều chỉnh 3	Chuyên môn hóa chức năng Kinh doanh về Văn phòng công ty	
3.1	- Sáp nhập phòng Kế hoạch, phòng Thị trường của Văn phòng Công ty và chức năng Kinh doanh của Chi nhánh Hà Nội cũ thành phòng Kinh doanh – Xuất nhập khẩu	- Hệ thống Kinh doanh của Công ty đang được bị phân tán, thiếu sự tập trung, không có sự phân chia rõ ràng về thị trường, từ đó gây nên sự chông chéo và làm giảm hiệu quả kinh doanh. - Trong 9 tháng đầu năm 2019, có 8 mặt hàng đang được bán bởi cả phòng Kế hoạch và phòng Thị trường, với tổng sản lượng lên tới 1.236 tấn, chiếm 9,6% tổng sản lượng bán ra của công ty. Ngoài ra, trong các mặt hàng này, có 2 mặt hàng có mức chênh lệch biên lợi nhuận gộp lớn, ở mức sắp xỉ 10%. - Hoạt động kinh doanh đang thực hiện phân tán tại các phòng ban như sau: + Phòng Kế hoạch: Chủ yếu tập trung vào khu vực các tỉnh phía Bắc, nhưng có tham gia kinh doanh ở khu vực Hà Nội. + Phòng Thị trường: Chủ yếu tập trung vào khu vực Hà Nội, nhưng có tham gia kinh doanh ở khu vực các tỉnh phía Bắc. + Chi nhánh Muối Hà Nội: Chủ yếu tập trung vào khu vực Hà Nội. - Phòng Kinh doanh – Xuất nhập khẩu sẽ được thành lập thông qua việc sáp nhập phòng Kế hoạch, phòng Thị trường tại Văn phòng Công ty, chức năng Kinh doanh, chức năng Xuất nhập khẩu tại Chi nhánh Hà Nội cũ. - Phòng Kinh doanh – Xuất nhập khẩu được thành lập với mục tiêu chuyên môn hóa nhiệm vụ kinh doanh của Công ty. Cụ thể:

		+ Tái cấu trúc, hoàn thiện hóa, đồng bộ hóa các kênh phân phối cũ và bổ sung các kênh phân phối mới. + Gom lại các đơn hàng giúp bán hàng với số lượng lớn, tăng khả năng thương lượng giá với khách hàng và tối ưu hóa chi phí vận chuyển. + Xây dựng chính sách giá đồng bộ, linh hoạt, đủ sức cạnh tranh. + Xây dựng chương trình chăm sóc khách hàng, dịch vụ sau bán hàng. - Sau khi sáp nhập, các hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Hà Nội cũ sẽ được tiếp quản toàn bộ bởi phòng Kinh doanh – Xuất nhập khẩu. - Sau khi sáp nhập, đối với hoạt động Kinh doanh nội địa, phòng Kinh doanh – Xuất nhập khẩu có thể cân nhắc thực hiện một số mô hình kinh doanh như sau: + Mô hình kinh doanh theo khu vực: Phòng Kinh doanh sẽ phân chia rõ ràng khu vực kinh doanh cho các nhân sự trong phòng (VD: Khu vực Hà Nội và khu vực các tỉnh miền Bắc). Mỗi nhân sự sẽ phụ trách một khu vực kinh doanh của mình và không tham gia vào khu vực của nhân sự khác. + Mô hình kinh doanh theo sản phẩm: Phòng Kinh doanh sẽ phân chia rõ ràng các mảng sản phẩm cho các nhân sự trong phòng (VD: Muối Nguyên liệu và Muối thành phẩm). Mỗi nhân sự sẽ phụ trách một mảng sản phẩm của mình và không tham gia vào sản phẩm của nhân sự khác.
3.2	- Sáp nhập phòng Xuất Nhập khẩu vào phòng Kinh doanh	- Với định hướng tinh giảm tối đa biên chế sau cổ phần hóa, Công ty sáp nhập phòng Xuất nhập khẩu vào phòng Kinh doanh thành phòng Kinh doanh – Xuất nhập khẩu nhằm giảm thiểu các vị trí trưởng phòng, phó phòng tại Văn phòng Công ty. - Xuất nhập khẩu dễ dàng điều động nhân sự, thực hiện công tác kinh doanh giữa thị trường nội địa và thị trường quốc tế. - Hiện nay, Công ty chỉ có Trưởng phòng Xuất nhập khẩu có khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ để trao

		đối với các đối tác nước ngoài. Do đó, trong tương lai, Công ty cần có kế hoạch tuyển dụng hoặc đào tạo nhân sự mới với kiến thức ngoại ngữ để tham gia vào hoạt động xuất nhập khẩu.
3.3	- Chuyên môn hóa chức năng mua hàng và đặt dưới sự giám sát của phòng Kinh doanh – Xuất nhập khẩu	- Hiện nay, hoạt động mua hàng của công ty đang không được thực hiện đồng bộ và thống nhất. Khi có nhu cầu thu mua hàng hóa hoặc tìm đầu mối gia công, phòng Kế hoạch và phòng Thị trường sẽ tự chủ động tìm đối tác. Ngoài ra, hoạt động thu mua hàng hóa, nguyên vật liệu tại chi nhánh Hà Nội cũng được thực hiện hoàn toàn độc lập so với Văn phòng Công ty. - Do đó, Công ty sẽ tập trung hóa hoạt động mua hàng nhằm gia tăng vị thế mua hàng của Công ty, gia tăng sức mua chung và đảm bảo hoạt động mua hàng được đồng bộ, thống nhất. - Ngoài ra, việc đặt chức năng mua hàng dưới sự giám sát của phòng Kinh doanh – Xuất nhập khẩu sẽ đảm bảo chất lượng của hoạt động mua hàng, giảm thiểu mâu thuẫn và chênh lệch phát sinh trong hoạt động mua và bán hàng. - Các nhân sự thuộc phòng Kinh doanh – Xuất nhập khẩu sẽ đồng thời chịu trách nhiệm tìm kiếm nguồn nguyên liệu, thu mua hàng hóa, tìm đối tác gia công sản phẩm.
Điều chỉnh 4	Xây dựng và phát triển chức năng Marketing	
	- Thành lập chức năng Marketing tại Văn phòng Công ty với nhiệm vụ truyền thông thương hiệu, mở rộng thị trường và tiếp thị	- Hiện nay, công ty chưa có phòng ban nào đảm nhiệm công tác truyền thông, nâng cao giá trị thương hiệu, gia tăng khả năng nhận diện thương hiệu, chuẩn bị các tài liệu bán hàng hỗ trợ phòng Kinh doanh. - Việc thiếu các nhân sự thực hiện Marketing khiến Công ty gặp khó khăn trong việc mở rộng thị trường mới cũng như nâng cao khả năng nhận diện thương hiệu.

	quảng bá sản phẩm	- Nhằm đảm bảo yêu cầu phát triển sau cổ phần hóa, Công ty được khuyến nghị thành lập phòng Marketing phụ trách công tác truyền thông. - Chức năng Marketing sẽ đảm nhiệm 1 số nhiệm vụ như sau: + Khảo sát và nghiên cứu thị trường muối tại Việt Nam và trên thế giới. + Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu cho các sản phẩm của công ty (Logo, bao bì, ...). + Tổ chức các chiến dịch truyền thông qua các kênh quảng cáo, nâng cao nhận diện thương hiệu. + Quản lý website. + Chuẩn bị tài liệu, hỗ trợ phòng Kinh doanh. - Ngoài ra, chức năng Marketing sẽ được kiêm nhiệm thực hiện một số nhiệm vụ khác như đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn được mỹ phẩm, quản lý mã số mã vạch hàng hóa, bao bì sản phẩm. - Trong thời gian đầu sau khi cổ phần hóa, nếu Công ty chưa đủ điều kiện và nguồn nhân lực để thành lập phòng Marketing riêng, chức năng Marketing có thể được xây dựng và phát triển dưới hình thức một bộ phận của phòng Kinh doanh. Sau này, khi Công ty ổn định và hoạt động hiệu quả hơn, việc xây dựng chức năng Marketing thành phòng, ban riêng biệt là vấn đề cần được ưu tiên trong kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty.
Điều chỉnh 5	Giải thể ban Quản lý dự án tại Văn phòng Công ty do không còn nhu cầu hoạt động	
	- Giải thể Ban Quản lý dự án tại Văn phòng Công ty	- Hiện nay, ban đang quản lý duy nhất một dự án. Dự án này bắt đầu từ năm 2009, đã hoàn thành, bàn giao và đang trong quá trình phê duyệt quyết toán - Sau khi dự án hoàn thành việc phê duyệt quyết toán, Công ty dự kiến sẽ không triển khai dự án nào khác.

		- Do đó, Công ty sẽ nghị loại bỏ Ban Quản lý dự án và điều chuyển các nhân sự hiện có của ban sang các phòng ban khác - Trong tương lai, khi Công ty có các dự án mới và cần có nhân sự thực hiện công tác quản lý dự án, Công ty có thể cân nhắc việc thành lập Ban Quản lý dự án theo thời vụ bằng việc tận dụng nguồn lực từ các phòng ban sẵn có. Sau khi kết thúc vòng đời dự án, các nhân sự này có thể tiếp tục quay lại công việc ở các phòng ban của mình.
Điều chỉnh 6	Sáp nhập phòng Tổ chức Hành chính và phòng Tài vụ thành phòng Kế toán Tổng hợp tại chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc	
	- Sáp nhập phòng Tổ chức Hành chính và phòng Tài vụ tại chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc nhằm tinh giảm biên chế	- Hiện nay, theo như đánh giá của Ban Lãnh đạo công ty, khối lượng công việc của phòng Tổ chức Hành chính ở chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc là không nhiều, chủ yếu là các công tác liên quan đến tính bảo hiểm. Việc có tới 3 nhân sự cùng thực hiện công việc này được đánh giá là không cần thiết. - Với định hướng tinh gọn biên chế sau cổ phần hóa, chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc được khuyến nghị sáp nhập phòng Tổ chức Hành chính và phòng Tài vụ thành phòng Kế toán Tổng hợp nhằm giảm thiểu các vị trí trưởng phòng và phó phòng. - Ngoài ra, việc sáp nhập hai phòng ban sẽ giúp công ty dễ dàng điều động nhân sự trong cùng một phòng ban.
Điều chỉnh 7	Chuyển giao Xưởng sản xuất Quỳnh Yên của Văn phòng Công ty cho Chi nhánh Vĩnh Ngọc (*)	
	- Chuyển quyền quản lý Xưởng sản xuất Quỳnh Yên cho Chi nhánh Vĩnh Ngọc để xưởng thực hiện	- Hiện nay, xưởng sản xuất Quỳnh Yên đang được Phòng Kế hoạch - Quản lý sản xuất thuộc Văn phòng công ty chịu trách nhiệm quản lý, phân công công việc. - Tuy nhiên, về mặt địa lý, Phòng Kế hoạch - Quản lý sản xuất ở Hà Nội, trong khi xưởng sản xuất Quỳnh Yên lại ở Nghệ An. Việc này gây ra những khó khăn

	kế hoạch sản xuất theo yêu cầu và chỉ đạo của chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc.	trong việc giám sát và đánh giá tình trạng công việc tại xưởng. - Trên thực tế, mỗi khi chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc có nhu cầu tận dụng kho hàng hoặc tận dụng nhân công của xưởng sản xuất Quỳnh Yên, chi nhánh đều phải xin ý kiến của Văn phòng Công ty. Trong khi đó, xưởng sản xuất Quỳnh Yên có vị trí địa lý ở ngay đối diện chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc. - Do đó, nếu để chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc trực tiếp quản lý xưởng sản xuất Quỳnh Yên sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho công tác quản lý, kiểm soát cũng như tận dụng nhân công, máy móc, nhà kho, ... - Sau khi chuyển giao, Phòng Kế hoạch - Quản lý sản xuất thuộc Văn phòng Công ty sẽ không còn quản lý Xưởng sản xuất Quỳnh Yên. Khi Văn phòng Công ty có yêu cầu sản xuất hàng xuất khẩu, Văn phòng Công ty sẽ gửi yêu cầu tới chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc. Chi nhánh sẽ tự sắp xếp nhân công, chuẩn bị nguyên liệu đầu vào và phân công công việc cho xưởng sản xuất Quỳnh Yên. - Xưởng sản xuất Quỳnh Yên và xưởng Hoàng Mai sẽ được sáp nhập vào nhau và được gọi chung là Xưởng Chế biến.
--	--	---

1.3.1. Chức năng nhiệm vụ của các vị trí tại Văn phòng Công ty

- Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận tại Văn phòng Công ty được quy định rõ ràng trong điều lệ của Công ty. Chức năng, nhiệm vụ cơ bản được thực hiện như sau:

a. Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

b. Hội đồng quản trị

- HĐQT là cơ quan quản lý trực tiếp tại Visalco, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà ĐHĐCĐ giao tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật; có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề của ĐHĐCĐ

c. Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn
- Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Kiểm soát viên trong Ban kiểm soát phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - + Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty.
 - + Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
- Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc là kế toán viên.
- Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

d. Giám đốc

- Giám đốc là người đại diện theo pháp luật; Giám đốc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Visalco, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

e. Phó Giám đốc

- Các Phó Giám đốc điều hành Công ty theo sự phân công và uỷ quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

f. Kế toán trưởng

- Kế toán trưởng do Giám đốc đề nghị để Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Kế toán trưởng giúp Giám đốc tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Công ty theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

g. Phòng Tài chính Kế toán

- Thực hiện những công việc về nghiệp vụ chuyên môn theo đúng quy định của Nhà nước về chuẩn mực tài chính và kế toán.
- Ghi chép, theo dõi, phản ánh sự vận động vốn kinh doanh của Công ty. Tham mưu cho Ban lãnh đạo về chế độ kế toán, thu thập xử lý thông tin có liên quan đến nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong Công ty. Giữ bí mật về số liệu kế toán và kinh doanh trong Công ty.

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và đề xuất các biện pháp để thực hiện tốt công tác kế toán, hạch toán. Lập báo cáo tài chính theo quý, năm theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của tất cả các loại chứng từ, hoàn chỉnh thủ tục trước khi trình Lãnh đạo duyệt. Thực hiện việc ghi chép và hạch toán đúng, đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phù hợp với Quy chế tài chính của Công ty và quy định của Pháp luật.
- Cung cấp kịp thời cho lãnh đạo số liệu, tổng quát tình hình tài chính cũng như kết quả tài chính từng nghiệp vụ kinh doanh.
- Thực hiện giám sát việc quản lý tài sản, dòng tiền theo đúng chế độ quy định của pháp luật và của Công ty. Đặc biệt về tài sản cố định, hàng hóa, tiền mặt và công nợ.
- Xây dựng Quy chế tài chính nội bộ, định mức ngân sách cho Công ty và phối hợp với các phòng, ban xây dựng ngân sách riêng cho các phòng ban.
- Xây dựng báo cáo quản trị trình Giám đốc, tham mưu cho Tổng Giám đốc trong lĩnh vực quản lý các hoạt động tài chính kế toán của Công ty và thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Giám đốc.
- Phối hợp với phòng, ban trong Công ty theo dõi, đôn đốc và thu hồi công nợ của khách hàng nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng nguồn vốn của Công ty.

- Công bố báo cáo tài chính của Công ty.

h. Phòng Tổ chức Nhân sự

- Tham mưu cho Giám đốc về phương án kiện toàn tổ chức, bộ máy quản lý theo hướng gọn và hoạt động có hiệu quả phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty.
- Công tác đào tạo, tuyển dụng, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ. Trên cơ sở kế hoạch lao động, chủ trì và phối hợp với phòng Tài chính kế toán xây dựng đơn giá tiền lương và tổng quỹ tiền lương của Công ty.
- Thực hiện các chính sách chế độ của người lao động: Lao động, tiền lương, BHXH, BHYT... của Công ty theo quy định của Bộ luật Lao động và pháp luật hiện hành.
- Tham mưu cho Giám đốc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.
- Thực hiện các công tác Đảng vụ.
- Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quan hệ cổ đông như công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán, ...
- Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến thư ký Hội Đồng Quản Trị.
- Thường trực Hội đồng nâng lương của Công ty.
- Quản lý hồ sơ của cán bộ, nhân viên Công ty.

- Tiếp nhận, tham mưu và xử lý theo thẩm quyền các đơn thư, khiếu nại, tố cáo. Tiếp các đoàn thanh tra (nếu có) và phối hợp các phòng ban liên quan chuẩn bị các tài liệu cần thiết theo yêu cầu đoàn thanh tra.
- Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng và kỷ luật.
- Soạn thảo và trình lãnh đạo duyệt Nội quy làm việc của Công ty và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Nội quy.
- Bố trí sắp xếp chỗ làm việc cho các phòng, ban Công ty khoa học, hợp lý. Thực hiện việc bảo trì, sửa chữa thường xuyên. Quản lý các tài sản thuộc Văn phòng Công ty, sửa chữa và thay thế kịp thời các trang thiết bị hỏng.
- Xây dựng, kiểm tra, mua sắm và hướng dẫn thực hiện các quy định, định mức của Công ty về tài sản và các trang thiết bị văn phòng.
- Mua sắm và cấp phát văn phòng phẩm.
- Lưu trữ hồ sơ tài liệu, công văn giấy tờ, sổ sách hành chính và con dấu, xác nhận sao chép các văn bản trong Công ty.
- Công tác lễ tân, tiếp khách, tổ chức các cuộc họp, hội nghị của Công ty.
- Thực hiện công tác bảo vệ nội bộ, an ninh trật tự, an ninh quốc phòng, tai nạn, bão lụt, thiên tai và an toàn vệ sinh, lao động, phòng cháy chữa cháy của Công ty. Công tác tạp vụ, lao công.
- Công tác thăm hỏi, ma chay, cưới xin, đau ốm với bản thân và gia đình CBCNV và quan hệ đối ngoại.
- Theo dõi, quản lý bếp ăn tập thể của Công ty.
- Có trách nhiệm phối hợp với Công đoàn Công ty chăm lo đời sống cho CBCNV các ngày lễ, tết, thăm quan, du lịch hàng năm.

i. Phòng Kế hoạch – Quản lý sản xuất

- Xây dựng kế hoạch sản xuất tổng thể cho Xưởng sản xuất Hà Nội và kiểm tra, giám sát việc xây dựng kế hoạch sản xuất chi tiết của Xưởng sản xuất Hà Nội liên quan đến lịch trình vận hành máy móc, khối lượng sản xuất và điều động công nhân, ...
- Quản lý chất lượng sản phẩm đầu vào và đầu ra; xây dựng tiêu chuẩn chất lượng; đăng ký chất lượng sản phẩm; theo dõi và kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn sản phẩm.
- Kiểm tra, giám sát chất lượng hàng hóa vật tư nhập, xuất, tồn kho của Xưởng sản xuất Hà Nội; Thống kê báo cáo nhập xuất, tồn kho hàng hóa, vật tư máy móc thiết bị của Xưởng sản xuất Hà Nội.
- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và đề xuất các biện pháp giải quyết, điều chỉnh để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Công tác quản lý an toàn, lao động, vệ sinh môi trường tại các cơ sở sản xuất.

- Kiểm tra, giám sát việc mua sắm vật tư, máy móc thiết bị thay thế theo đề xuất kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị sản xuất của Xưởng sản xuất Hà Nội; Xây dựng các định ước tiêu hao nguyên nhiên vật liệu trong sản xuất.
- Quản lý hệ thống kho vận, điều chuyển hàng hóa giữa các kho, quản lý chuỗi cung ứng từ khâu mua hàng, lưu kho, xuất hàng; điều vận xe cộ vận chuyển, đảm bảo giao vận, phân phối hàng hóa đúng tiến độ.
- Cuối tháng, quý lập báo cáo liên quan đến tình hình sản xuất phát sinh trong tháng, quý gửi về phòng Tài chính kế toán.
- Quản lý, khai thác giám sát các hoạt động kinh doanh, hợp tác, đầu tư các tài sản gắn liền trên đất của Công ty.

j. Phòng Kinh doanh – Xuất nhập khẩu

Công tác xuất nhập khẩu

- Thực hiện các công tác hậu cần trong xuất nhập khẩu hàng hóa như thông quan hải quan, mở tờ khai hải quan, ... của Công ty.
- Tổ chức thu mua, cung ứng vật tư, khai thác nguồn hàng, tiêu thụ sản phẩm và mở rộng thị trường theo sự phân công của Giám đốc.
- Soạn thảo các hợp đồng mua bán theo nhiệm vụ được Giám đốc phân công. Phối hợp với phòng kế toán thu hồi công nợ tiền bán hàng.
- Giao dịch với khách hàng trong và ngoài nước, xây dựng phương án kinh doanh xuất nhập khẩu và làm các thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa.
- Tham mưu cho Giám đốc Công ty về các chính sách, thông lệ quốc tế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xuất nhập khẩu để phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty.
- Giúp Giám đốc các cuộc tiếp khách, đàm phán, giao dịch, ký kết hợp đồng với khách hàng nước ngoài.
- Giới thiệu, chào bán sản phẩm của Công ty tại các hội chợ triển lãm, khảo sát thị trường, trao đổi nghiệp vụ, thu thập thông tin nhằm mở rộng thị trường và mặt hàng mới.

Công tác kinh doanh nội địa

- Tham mưu, lập phương án kinh doanh các sản phẩm muối và nguồn gốc từ muối (sau đây gọi tắt là các sản phẩm muối) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện theo nhu cầu thị trường đem lại hiệu quả.
- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kinh doanh các sản phẩm muối thị trường theo kế hoạch được Giám đốc công ty giao đảm bảo sản lượng, doanh thu, chủng loại mặt hàng và có lợi nhuận ngày càng tăng trưởng.
- Thực hiện nghiên cứu sản phẩm muối một cách toàn diện: mẫu mã, chủng loại, sản lượng, giá cả, kênh phân phối... đối với từng khách hàng và khu vực thị trường cụ thể.

- Lập và trình Giám đốc Công ty kế hoạch tháng, quý, năm, chi tiết về sản lượng, doanh số, vốn, chi phí, lợi nhuận... cho từng sản phẩm muối. Các phương án, giải pháp cần thiết để thực hiện. Triển khai thực hiện kế hoạch được duyệt.
- Đề xuất và tham gia vào công tác nâng cao chất lượng sản phẩm, sản xuất ra các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Tổ chức hoạt động mua hàng hóa, nguyên vật liệu, tìm kiếm nhà cung cấp hàng với chất lượng phù hợp, giá cả cạnh tranh; xác định, tính toán nhu cầu mua hàng, đảm bảo hàng hóa phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tổ chức mạng lưới bán hàng, kênh phân phối phù hợp, hiệu quả cho từng loại sản phẩm và khu vực thị trường, từ nơi sản xuất - vận chuyển - lưu kho - khách hàng.
- Trực tiếp quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh muối của trạm muối Thái Nguyên và trạm muối Hòa Bình.
- Xây dựng chính sách giá bán linh hoạt và các chương trình chăm sóc khách hàng.
- Quản lý chặt chẽ hàng hóa và tiền hàng theo quy định cụ thể của Công ty.
- Xây dựng các định mức chi phí bán hàng: vận chuyển, tiền công, tiền lương nhân viên, tiền thưởng, tỷ lệ hao hụt, chiết khấu bán hàng cho từng loại sản phẩm, cấp đại lý... Thực hiện tốt các định mức đã được duyệt đảm bảo ngày càng tiên tiến hóa.
- Nghiên cứu và áp dụng các phương pháp bán hàng mới hiệu quả hơn.
- Quản lý xe ô tô, phương tiện chuyển chở hàng để đảm bảo hoạt động giao hàng đúng tiến độ và hiệu quả.

Công tác Marketing

- Khảo sát và nghiên cứu thị trường muối tại Việt Nam và trên thế giới.
- Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu cho các sản phẩm của công ty (Logo, bao bì, ...).
- Tổ chức các chiến dịch truyền thông qua các kênh quảng cáo, nâng cao nhận diện thương hiệu.
- Quản lý website.
- Chuẩn bị tài liệu, hỗ trợ phòng Kinh doanh.
- Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn dược mỹ phẩm, quản lý mã số mã vạch hàng hóa, bao bì sản phẩm.

k. Xưởng sản xuất

- Triển khai tổ chức sản xuất, chế biến, gia công và lưu trữ cho toàn bộ các mặt hàng của Văn phòng Công ty.
- Theo dõi và lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị sản xuất.

- Kiểm tra giám sát, hướng dẫn quy trình công nghệ trong quá trình sản xuất.
- Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, các công tác phòng chống cháy nổ.
- Đề xuất và phối hợp với phòng Kế hoạch – Quản lý sản xuất xây dựng kế hoạch sản xuất chi tiết cho Xưởng sản xuất Hà Nội như điều động công nhân, ...
- Tham mưu cho Giám đốc và Công ty về các phương án tổ chức sản xuất, thay đổi công nghệ máy móc, sửa chữa máy móc thiết bị.

1.3.2. Chức năng nhiệm vụ của các vị trí tại Chi nhánh Muối Vĩnh ngọc

Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận tại Văn phòng Công ty được quy định rõ ràng trong điều lệ của Công ty. Chức năng, nhiệm vụ cơ bản được thực hiện như sau:

a. Phòng Kế toán Tổng hợp

Công tác kế toán

- Thực hiện các chế độ, chính sách tài chính, kế toán, thống kê, báo cáo phụ vụ công tác tài chính kế toán của Chi nhánh.
- Thực hiện các công tác kế toán tổng hợp, kế toán thanh toán, kế toán kho hàng, kế toán công nợ.
- Giám sát kiểm tra công tác thu chi của các bộ phận.
- Xây dựng dự toán và lập báo cáo quyết toán tài chính, Tổng hợp báo cáo quyết toán tài chính và các báo cáo tài chính khác của Chi nhánh theo quy định trình Giám đốc duyệt.
- Tổ chức hạch toán theo chế độ kế toán hoàn thành theo đúng tiến độ, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.
- Thực hiện các công tác trích nộp Bảo hiểm xã hội, làm tiền lương, tiền thưởng.

Công tác hành chính tổng hợp

- Thực hiện các công tác tổ chức lao động, văn thư, lưu trữ hồ sơ cho chi nhánh.
- Quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế của cán bộ công nhân viên.
- Thực hiện đào tạo, tuyển dụng người lao động mới và các công tác hưu trí cho người lao động tại Chi nhánh.
- Quản lý con dấu, tài sản và đồ dùng hành chính của Chi nhánh.
- Thực hiện các công tác, nghiệp vụ Đảng tại địa phương.
- Công tác lễ tân, tiếp khách, tổ chức các cuộc họp, hội nghị của Chi nhánh.
- Thực hiện công tác bảo vệ nội bộ, an ninh trật tự, an ninh quốc phòng, tai nạn, bão lụt, thiên tai và an toàn vệ sinh, lao động, phòng cháy chữa cháy của Công ty và Công tác tạp vụ, lao công.

- Theo dõi, quản lý bếp ăn tập thể của Chi nhánh.

b. Phòng Kế hoạch Kinh doanh

- Tham mưu, lập phương án kinh doanh các sản phẩm muối. thực hiện nhiệm vụ kinh doanh các sản phẩm muối thị trường theo kế hoạch được giao đảm bảo sản lượng, doanh thu, chủng loại mặt hàng và có lợi nhuận ngày càng tăng trưởng.
- Tổ chức mạng lưới bán hàng, kênh phân phối phù hợp, hiệu quả cho từng loại sản phẩm và khu vực thị trường, từ nơi sản xuất - vận chuyển - lưu kho - khách hàng.
- Lập và trình Giám đốc Công ty kế hoạch tháng, quý, năm, chỉ tiết về sản lượng, doanh số, vốn, chi phí, lợi nhuận... cho từng sản phẩm muối. Các phương án, giải pháp cần thiết để thực hiện. Triển khai thực hiện kế hoạch được duyệt.
- Xây dựng các định mức chi phí bán hàng: vận chuyển, tiền công, tiền lương nhân viên, tiền thưởng, tỷ lệ hao hụt, chiết khấu bán hàng cho từng loại sản phẩm, cấp đại lý... Thực hiện tốt các định mức đã được duyệt đảm bảo ngày càng tiên tiến hóa.
- Quản lý hệ thống kho vận của Chi nhánh, điều chuyển hàng hóa giữa các kho, quản lý chuỗi cung ứng từ khâu sản xuất, lưu kho, xuất hàng; điều vận xe cộ vận chuyển, đảm bảo giao vận, phân phối hàng hóa đúng tiến độ.
- Theo dõi, kiểm tra chất lượng sản phẩm đầu ra vào đầu vào.

2. Hình thức cổ phần hóa

2.1. Mục tiêu cổ phần hóa

- Theo chủ trương của Công ty mẹ - Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc, Công ty TNHH Một Thành Viên Muối Việt Nam thực hiện cổ phần hóa nhằm chuyển doanh nghiệp Nhà nước giữ 100% vốn thành công ty cổ phần;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Muối Việt Nam sau cổ phần hóa vẫn phải giữ tốt vai trò phát triển kinh tế, tăng trưởng bền vững gắn với an sinh xã hội;
- Cổ phần hóa Công ty nhằm tinh giảm biên chế, tăng năng suất lao động, đa dạng sở hữu, thu hút các thành phần kinh tế khác tham gia nhằm đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo hướng tinh gọn và chuyên sâu, nâng cao năng lực tài chính, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp,
- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng vốn, năng lực đầu tư sản xuất kinh doanh của Công ty
- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy công tác điều hành, từng bước đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động;
- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

2.2. Yêu cầu cổ phần hóa

- Đảm bảo sự phát triển ổn định, hiệu quả của Visalco sau cổ phần hóa;
- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, cổ đông và người lao động;
- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

2.3. Hình thức cổ phần hóa

- Vốn điều lệ của Công ty sau khi chuyển thành công ty cổ phần được xây dựng trên các cơ sở như sau: Căn cứ kết quả xác định giá trị doanh nghiệp do đơn vị tư vấn định giá xác định (trên cơ sở báo cáo tài chính đã được Công ty kiểm toán Vaco thực hiện thời điểm 30/9/2019), giá trị thực tế vốn nhà nước theo giá trị sổ sách doanh nghiệp; kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa; tổng nhu cầu vốn điều lệ của Công ty.
- Cơ sở xác định nhu cầu vốn điều lệ như sau:

Bảng 18: Tổng nhu cầu vốn của Visalco sau cổ phần hóa

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
A	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THEO KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GTDN	17.013.714.793	Số liệu dựa trên giá trị sổ sách của doanh nghiệp
B	NHU CẦU VỐN HÀNG HÓA (NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ THÀNH PHẨM) (*)	34.400.000.000	
1	Vốn hàng hóa cho Xưởng sản xuất Hà Nội	5.000.000.000	Trữ lượng kho vào khoảng 2.500 tấn muối tại xưởng sản xuất Hà Nội
2	Vốn hàng hóa cho Trạm muối Thái Nguyên	5.000.000.000	Trữ lượng kho vào khoảng 2.500 tấn muối tại trạm muối Thái Nguyên
3	Vốn hàng hóa cho Trạm muối Hòa Bình	1.400.000.000	Trữ lượng kho vào khoảng 700 tấn muối tại trạm muối Hòa Bình
4	Vốn hàng hóa cho chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc và Xưởng chế biến	17.000.000.000	Trữ lượng kho vào khoảng 8.500 tấn muối tại chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc

STT	Nội dung	Số tiền (VND)	Ghi chú
5	Khai thác muối miền Nam	6.000.000.000	Lượng muối miền Nam 3.000 tấn chỉ phục vụ cho hoạt động kinh doanh thương mại của công ty
C	NHU CẦU VỐN CHO CÁC DỰ ÁN KHÁC	8.000.000.000	
1	Vốn đầu tư dây chuyền sản xuất muối cho Xưởng Hà Nội	1.500.000.000	Khoản vốn nhằm nâng cấp, bảo trì dây chuyền sản xuất muối hiện tại; cải tạo và sửa chữa cơ sở vật chất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm
2	Vốn đầu tư dây chuyền sản xuất muối cho Chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc	1.500.000.000	
3	Các khoản công nợ phải thu khác	5.000.000.000	Khoản vốn bao gồm tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng nhưng chưa thu được tiền, hay các khoản đầu tư tài chính khác
D	NHU CẦU VỐN CHO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH KHÁC	4.277.488.925	Khoản vốn nhằm phát triển sản phẩm mới; phát triển thị trường; phát triển marketing; chi phí bao bì; mở rộng kênh bán hàng
	TỔNG NHU CẦU VỐN CHO HOẠT ĐỘNG SXKD	63.691.203.718	
	TỔNG NHU CẦU VỐN CHO HOẠT ĐỘNG SXKD LÀM TRÒN	63.691.200.000	

(*) là số vốn hàng hóa nhằm lấp đầy trữ lượng của các nhà kho hiện tại nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa. Đơn giá 2.000 VND/kg muối được sử dụng để tính toán nhu cầu vốn dựa trên tìm hiểu thị trường và tham khảo ý kiến của đơn vị.

Bảng 19: Cấu trúc nguồn vốn của Visalco sau cổ phần hóa

TT	Thành phần vốn	Giá trị (VND)
1	Vốn nhà nước	28.399.282.417
2	Cổ phần phát hành thêm	15.291.921.301
3	Vốn vay	20.000.000.000

4	Tổng nguồn vốn	63.691.203.718
	Tổng nguồn vốn (làm tròn)	63.691.200.000

- Căn cứ nhu cầu về vốn đầu tư của Công ty sau cổ phần hóa để đáp ứng kế hoạch sản xuất kinh doanh là cao hơn so với giá trị vốn Nhà nước hiện có theo giá trị sổ sách của doanh nghiệp tại thời điểm 30/9/2019 (là 28,399 tỷ VNĐ) nên hình thức cổ phần hoá đề xuất là kết hợp giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp (28,399 tỷ VNĐ) và phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ (15,3 tỷ VNĐ), theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần để bảo đảm mục tiêu sau cổ phần hóa Nhà nước giữ 65% vốn điều lệ Công ty.

- Khoản vốn còn thiếu hụt (20 tỷ VNĐ) được dự kiến sẽ bù đắp bằng hình thức vay vốn ngân hàng.

3. Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh từ 2021-2023

Một số thông tin chủ yếu về kế hoạch đầu tư và chiến lược phát triển doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa được xây dựng như sau:

3.1. Chiến lược kinh doanh

3.1.1. Định hướng chung cho toàn Công ty

- Tái cấu trúc, sắp xếp lại sơ đồ tổ chức, tinh giản đội ngũ nhân sự gián tiếp và chuyên môn hóa hoạt động kinh doanh.

- Định hướng mô hình sản xuất, kinh doanh theo cơ chế thị trường, cạnh tranh về chất lượng sản phẩm, mẫu mã, bao bì, chất lượng dịch vụ với các doanh nghiệp khác trên thị trường.

- Áp dụng hệ thống công nghệ hiện đại vào quản trị doanh nghiệp. Đầu tư các phần mềm quản lý nhằm nâng cao hiệu quả công tác tổ chức sản xuất, kinh doanh, kế toán nhằm quản lý chặt chẽ hàng hoá, tiền vốn, chi phí.

- Xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công việc rõ ràng, cụ thể với tất cả cán bộ công nhân viên, đặc biệt là các nhân viên kinh doanh và công nhân sản xuất. Áp dụng chế độ tính tiền lương theo chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh đối với toàn bộ người lao động.

- Đẩy mạnh và tăng cường hàm lượng khoa học – kỹ thuật trong sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi giá trị của sản phẩm. Gia tăng hàm lượng chế biến trong các sản phẩm muối để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Chủ động hội nhập quốc tế, tích cực tham gia các tổ chức, hiệp hội ngành nghề để nâng cao thương hiệu và mở rộng thị trường. Chú trọng vào công tác phát triển hoạt động thị trường, đẩy mạnh quảng bá giới thiệu thương hiệu, sản phẩm của Visalco.

- Khai thác triệt để mọi tiềm năng, tài sản nhà đất để tăng nguồn thu bù đắp chi phí; triệt để tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả.

3.1.2. Định hướng cho Văn phòng Công ty

Nâng cao hiệu quả hoạt động bán hàng, thông qua các việc:

- Tổ chức lại kênh phân phối sản phẩm, củng cố các kênh phân phối có sẵn và mở rộng mạng lưới phân phối bằng các kênh phân phối mới (Kênh online, ...).
- Xây dựng chính sách giá linh hoạt, cơ chế thị trường cạnh tranh.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, chăm sóc khách hàng.
- Chú trọng cải tiến mẫu mã, bao bì đẹp, bắt mắt và phát triển các sản phẩm có tính ứng dụng cao.
- Chuyển dịch cơ cấu sản phẩm theo hướng nâng cao tỷ trọng các mặt hàng có biên lợi nhuận cao, giảm thiểu và loại bỏ các sản phẩm có biên lợi nhuận thấp. Đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm của Công ty thông qua việc đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm bột canh, các loại gia vị, muối spa, muối tắm.

3.1.3. Định hướng cho chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc

- Tăng cường công tác quản lý đối với Chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc. Chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc sẽ được Văn phòng Công ty giao khoán sâu, có thêm quyền tự chủ động và tự chịu trách nhiệm đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của chi nhánh.
- Đầu tư có chiều sâu các thiết bị, công nghệ hiện đại để tổ chức sản xuất các sản phẩm muối chất lượng cao, xây dựng thương hiệu riêng biệt để bán cho phân khúc thị trường cao cấp và phục vụ xuất khẩu cho thị trường Nhật và Mỹ.

3.2. Mục tiêu kế hoạch giai đoạn 2021 – 2023

- Xây dựng Công ty cổ phần phát triển vững mạnh trong các lĩnh vực: kinh doanh, sản xuất các mặt hàng muối phục vụ thị trường nội địa và xuất khẩu; hợp tác kinh doanh cho thuê bất động sản;...
- Vào năm 2021, sau cổ phần hóa, Công ty được dự báo sẽ đạt doanh thu 99 tỷ VNĐ và lợi nhuận trước thuế ở mức 870 triệu VNĐ. Năm 2022, tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân đạt 5,05%, và tăng lên mức 7,40% vào 2023. Vào năm 2023, sau 3 năm đi vào vận hành, tổng doanh thu của Công ty được dự báo đạt mức trên 110 tỷ VNĐ; lợi nhuận trước thuế đạt khoảng 1 tỷ VNĐ.
- Doanh thu các mặt hàng xuất khẩu được kỳ vọng tăng khoảng 14% vào năm 2021, và sẽ được duy trì ổn định ở những năm tiếp theo với tốc độ tăng trưởng khoảng 6,5%. Bên cạnh đó, doanh thu đến từ các mặt hàng nội địa năm 2021 có sự sụt giảm đáng kể do ảnh hưởng của việc cổ phần hóa Công ty, nhưng được dự báo sẽ tăng trở lại từ 2022 trở đi với mức doanh thu đạt khoảng 94,7 tỷ VNĐ.
- Công ty dự kiến sẽ giảm tỷ trọng doanh thu liên quan đến bán buôn gạo và đẩy mạnh hoạt động tập trung vào mảng kinh doanh cốt lõi là khai thác và bán buôn muối. Tỷ trọng doanh thu gạo duy trì khoảng 40-50 tỷ mỗi năm, tương đương với khoảng hơn tổng 40% tổng doanh thu của doanh nghiệp.
- Các hoạt động hợp tác kinh doanh dựa trên các bất động sản sẵn có của Công ty cũng được dự báo sẽ mang lại nguồn thu ổn định và bền vững và ở mức 1,8 tỷ VNĐ trong năm 2023.

Bảng 20: Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh từ 2021 – 2023

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1. Kế hoạch đầu tư XD CB	Tỷ đồng	-	-	-
2. Vốn điều lệ	Tỷ đồng	43,691	43,691	43,691
3. Tổng số lao động	Người	149	149	149
4. Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	10,050	10,050	10,221
5. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Triệu đồng	5,62	5,62	5,716
6. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	99	104	110,7
7. Tổng chi phí	Tỷ đồng	98,13	103,07	109,7
8. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,87	0,93	1,0
9. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,87	0,93	1,0
10. Tỷ lệ cổ tức	Đồng	-	-	-

3.3. Giải pháp thực hiện

3.3.1. Các giải pháp chung:

a. Công tác kế toán tài chính

- Chủ động, kịp thời trong việc luân chuyển vốn, đảm bảo vốn trong việc tạm trữ nguyên vật liệu trong năm, mua tích trữ khi giá muối thấp, vào mùa thu hoạch; bán ra khi mất mùa, giá muối cao.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về tài chính của chi nhánh theo kế hoạch hoặc đột xuất.

- Áp dụng hệ thống phần mềm quản lý đồng bộ, xuyên suốt từ Văn phòng Công ty đến Chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc, đảm bảo công tác hợp cộng báo cáo và quản trị tài chính được hiệu quả, thông suốt.

- Ban hành danh mục mã sản phẩm đồng bộ trong Công ty để hỗ trợ việc ghi nhận doanh thu, tập hợp chi phí và đánh giá lợi nhuận được hiệu quả.

b. Công tác thị trường

- Tăng cường công tác khảo sát, nghiên cứu, tìm hiểu và mở rộng thị trường, kể cả các thị trường truyền thống và một số thị trường mới có tiềm năng.

- Tổ chức các đoàn tham quan, khảo sát, tìm hiểu thị trường nước ngoài.

- Tuyển dụng nhân sự phù hợp để thực hiện hoạt động marketing. Xây dựng ngân sách và kế hoạch quảng bá thương hiệu, sản phẩm của công ty hàng tháng, hàng quý.

c. Công tác khoa học kỹ thuật và đào tạo

- Tăng cường hàm lượng khoa học kỹ thuật trong các sản phẩm mới thông qua việc nghiên cứu, phát triển các dòng sản phẩm muối chất lượng cao, có lợi với sức khỏe người tiêu dùng.

- Chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, đào tạo lại cán bộ và quy hoạch cán bộ đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài về nguồn nhân lực.

d. Công tác chấp hành pháp luật và thực hành tiết kiệm

- Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định và pháp luật của Nhà nước.
- Tiếp tục thực hiện quy định của Chính phủ và chủ trương của Công ty về việc tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm.

3.3.2. Giải pháp cụ thể

a. Giải pháp kỹ thuật

- Xưởng Sản xuất muối Hà Nội:
 - + Đầu tư đồng bộ dây chuyền sản xuất chế biến muối xay nghiền, muối sấy, đóng bao tự động, muối Iốt, muối xử lý nước, muối cho công nghiệp thực phẩm.
 - + Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển rõ ràng và phân công người lao động chịu trách nhiệm để nâng cao hiệu quả công việc.
- Chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc:
 - + Đầu tư công nghệ để sản xuất muối sạch, đầu tư hệ thống lắng lọc, loại bỏ tạp chất, tiếp tục ứng dụng sản xuất muối trái bọt, tiến hành thử nghiệm việc rửa muối ngay tại đồng.
 - + Cải tiến quy trình kết tinh muối tạo nên các kích cỡ hạt lớn đáp ứng các nhu cầu tiêu dùng khác nhau.
 - + Chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc được khuyến nghị tiếp tục duy trì các sản phẩm muối chất lượng cao, cụ thể như sau:
 - * Muối chất lượng cao: 2.500 tấn/năm, trong đó xuất khẩu 1.200 tấn/năm.
 - * Muối cao cấp phân khúc thị trường nội địa: 200 tấn/năm
 - * Muối trung cấp: 3.800 – 4.500 tấn/năm
 - + Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển rõ ràng và phân công người lao động chịu trách nhiệm để nâng cao hiệu quả công việc.

b. Giải pháp thị trường

- Xây dựng thương hiệu muối Miền Bắc có độ mặn vừa phải, hàm lượng khoáng chất đầy đủ, phù hợp cho nhu cầu ăn và chế biến thực phẩm. Các sản phẩm Muối Miền Bắc hiện tại phải được đầu tư nâng cao chất lượng và thực hiện hiệu quả công tác quảng bá, marketing. Tiếp tục thực hiện việc đặt hàng muối Bắc chất lượng tốt ở các vùng muối Nghệ An, Nam Định để giới thiệu sản phẩm đến các nhu cầu tiêu dùng.
- Tăng cường công tác tiếp thị và xây dựng thị trường ở tất cả các địa bàn kinh doanh chủ chốt. Tuyển dụng và tổ chức nhân sự thực hiện công tác thiết kế, xây dựng thương hiệu, bán hàng cho các sản phẩm muối cao cấp.
- củng cố và mở rộng các kênh bán hàng như: bán hàng đại lý, ký gửi hàng ở chợ, bán buôn cho các thương nhân các tỉnh. Áp dụng hình thức bán hàng qua mạng, internet,



ứng dụng trên điện thoại smartphone. Chú trọng cải tiến mẫu mã, bao bì, thể hiện đầy đủ chất lượng, nguồn gốc xuất xứ các loại muối.

- Áp dụng các quy trình quản lý sản xuất tiêu chuẩn, giám sát chặt chẽ để giữ ổn định chất lượng muối cho những lô hàng xuất khẩu Nhật, Mỹ, tăng cường giới thiệu, quảng bá muối Việt Nam để nâng cao số lượng xuất khẩu.

- Tiến hành công tác dự báo thị trường để linh hoạt điều chỉnh các chủng loại sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường và có giá trị gia tăng cao để tăng doanh thu và hiệu quả.

c. Giải pháp về nhân lực

- Tuyển dụng lao động quản lý, kỹ thuật cao vào những vị trí còn thiếu, có chính sách đãi ngộ thích hợp để thu hút lao động chất lượng cao, đặc biệt là nhân viên bán hàng chuyên nghiệp.

4. Phương án sử dụng đất của Công ty sau khi cổ phần hóa

Bảng 21: Phương án sử dụng đất của Công ty sau cổ phần hóa

TT	Địa chỉ nhà đất	Diện tích quản lý (m ²) (*)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng sau cổ phần hóa	Hình thức sử dụng
		Đất	Nhà			
I	Hà Nội (Công văn số 4578/UBND-KT ngày 18/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội)					
1	Số 05-07 phố Hàng Gai, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	389,2		Hợp đồng thuê nhà đất số 139/XNHHK/HĐTNCĐ (thuê nhà đất của Công ty Kinh doanh nhà Hà Nội), Thời hạn thuê đến ngày 31/12/2016; Công văn số 171/TCTM ngày 20/6/1992 của Bộ Tài chính xác nhận diện tích nhà xây dựng thêm bằng vốn tự có; Công văn số 127/TCTM ngày 21/5/1992 của Bộ Thương mại và Dụ lịch xác nhận diện tích nhà xây dựng thêm bằng vốn tự có;	Ký hợp đồng thuê của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội	Thuê nhà
2	Số 77 Nguyễn Công Trứ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	91,0	550,24	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 493838 ngày 28/12/2006; Thời hạn sử dụng: 40 năm kể từ 01/01/1999; Giấy phép xây dựng số 431/GPXD ngày 28/9/2005; Hợp đồng số 60/VISALCO-CPHBT ngày 10/3/2008 chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; Công văn số 430/TCDN-NV3 ngày 28/11/2007 của Cục tài chính doanh nghiệp; Công văn số 2847/BNN-ĐMDN ngày 16/10/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;	Tiếp tục sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phù hợp quy hoạch của thành phố Hà Nội	Thuê đất trả tiền hàng năm



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TT	Địa chỉ nhà đất	Diện tích quản lý (m ²) (*)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng sau cổ phần hóa	Hình thức sử dụng
		Đất	Nhà			
				Công văn số 823/UBND-KH&DT ngày 01/2/2008 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội.		
3	Tổ 2, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội	3.341,5	2.167,7	Giấy phép xây dựng 145/GP-UBND TP Hà Nội ngày 4/8/1984; Hồ sơ thửa đất ngày 22/11/2005; Bản đồ địa chính số 05.950 HT ngày 22/11/2005; Chỉ giới đường đỏ A-B ngày 17/12/2006.	Tiếp tục sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phù hợp quy hoạch của thành phố Hà Nội	Thuê đất trả tiền hàng năm
II	Thái Nguyên (Văn bản số 1638/UBND-KT ngày 08/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về phương án sử dụng đất sau cổ phần hoá của Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam)					
4	Tổ 16, phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	2.538	1.050	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 553136 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 11/6/2012, thửa đất số 854, tờ bản đồ số 10, phường Quán Triều, TP Thái Nguyên	Tiếp tục giữ lại sử dụng Văn phòng của Trạm, địa điểm kinh doanh và kho chứa muối	Thuê đất trả tiền hàng năm
III	Hòa Bình (Công văn số 145/UBND-KT ngày 07/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về phương án sử dụng đất sau cổ phần hoá của Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam trên địa bàn)					
5	Số 2, Tổ 16, đường Ngõ Quyền, P. Phương Lâm, TP Hòa Bình	652,8	651,4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 973262 ngày 09/11/2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp, Thời hạn sử dụng đến Tháng 12/2050.	Tiếp tục giữ lại sử dụng làm văn phòng Trạm, địa điểm kinh doanh và kho chứa muối, phục vụ SXKD	Thuê đất trả tiền hàng năm
IV	Nghệ An (Công văn số 4179/UBND-KT ngày 01/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về phương án sử dụng đất các cơ sở nhà đất của Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam trên địa bàn tỉnh Nghệ An).					

TT	Địa chỉ nhà đất	Diện tích quản lý (m ²)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng sau có phân hóa	Hình thức sử dụng
		Đất	Nhà			
6	Xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	7.976	473,0	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 189903 ngày 10/09/2007 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An cấp; Thời hạn sử dụng đến hết ngày 17/7/2047	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, tiếp tục giữ lại sử dụng	Thuê đất trả tiền hàng năm
7	Phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	1.708	937,0	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 189503 ngày 25/8/2008 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An cấp; Thời hạn sử dụng đến hết ngày 04/7/2048	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, tiếp tục giữ lại sử dụng	Thuê đất trả tiền hàng năm
8	Xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (Diện tích đất 159.065,2 m ²)	176.225,9	0	1. Biên bản kiểm tra thực địa ngày 17/06/2020 giữa Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An, UBND P. Mai Hùng và Chi nhánh muối Vĩnh Ngọc; kết quả do đặc hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An xác nhận ngày 22/06/2020 là: 176.225,9 m ² 2. Mặt bằng quy hoạch tổng thể cánh đồng muối Ngọc Huy được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt năm 2008.	Tiếp tục giữ lại sử dụng làm kho chứa muối và các hạng mục phụ trợ phục vụ việc sản xuất muối	Thuê đất trả tiền hàng năm
9	Phường Quỳnh Hương, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An (Diện tích đất 262.032,2 m ²)	270.680,5	250,0	1. Biên bản kiểm tra thực địa ngày 17/06/2020 giữa Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An, UBND phường Quỳnh Hương và Chi nhánh muối Vĩnh Ngọc; kết quả do đặc hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An xác nhận ngày 22/06/2020 là: 270.680,5 m ² 2. Bản quy hoạch chi tiết cánh đồng muối Ngọc Huy được UBND huyện Quỳnh Lưu xác nhận năm 2008	Tiếp tục giữ lại sử dụng làm kho chứa muối và các hạng mục phụ trợ phục vụ việc sản xuất muối	Thuê đất trả tiền hàng năm
10	Phường Mai Hùng, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	241.370,5	364,0	1. Biên bản kiểm tra thực địa ngày 17/06/2020 giữa Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An, UBND phường Mai Hùng và CN muối Vĩnh Ngọc; kết quả do đặc hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký	Tiếp tục giữ lại sử dụng làm kho chứa muối và các hạng mục phụ trợ phục vụ việc sản xuất muối	Thuê đất trả tiền hàng năm

TT	Địa chỉ nhà đất	Diện tích quản lý (m ²) (*)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng sau có phần hóa	Hình thức sử dụng
		Đất	Nhà			
	(Diện tích đất: 177.213,5 m ²)			đất đai tỉnh Nghệ An xác nhận ngày 22/06/2020 là: 241.370,5 m ² 2. Mặt bằng quy hoạch tổng thể cánh đồng muối Ngọc Huy được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt năm 2008.		
11	Xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (Diện tích đất: 142.016 m ²)	144.249,9	1.458,0	1. Biên bản kiểm tra thực địa ngày 18/06/2020 giữa Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An, UBND xã Quỳnh Thuận và Chi nhánh muối Vĩnh Ngọc; kết quả do đặc hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An xác nhận ngày 22/06/2020 là: 144.249,9 m ² 2. Bản đồ quy hoạch chi tiết cánh đồng muối Vĩnh Yên được UBND huyện Quỳnh Lưu phê duyệt năm 2008	Tiếp tục giữ lại sử dụng làm kho chứa muối và các hạng mục phụ trợ phục vụ việc sản xuất muối	Thuê đất trả tiền hàng năm
12	Xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (Diện tích đất: 558.193,9 m ²)	723.808	2.131,0	1. Biên bản kiểm tra thực địa ngày 17/06/2020 giữa Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An, UBND xã Quỳnh Yên và CN muối Vĩnh Ngọc; kết quả do hiện trạng khu đất do VP DK đất đai tỉnh Nghệ An xác nhận ngày 22/06/2020 là: 723.808 m ² 2. Bản đồ quy hoạch chi tiết cánh đồng muối Quỳnh Yên được UBND huyện Quỳnh Lưu duyệt năm 2008	Tiếp tục giữ lại sử dụng làm kho chứa muối và các hạng mục phụ trợ phục vụ việc sản xuất muối	Thuê đất trả tiền hàng năm
	Cộng	1.573.031,3				

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam và Văn bản chấp thuận phương án sử dụng đất của UBND các địa phương

Ghi chú: () : Các số liệu về diện tích quản lý đất và nhà tại Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam là số liệu diện tích đất sử dụng thực tế được lấy theo các văn bản chấp thuận phương án sử dụng đất của UBND các địa phương.*

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ, GIÁ KHỞI ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH

1. Cơ cấu vốn điều lệ

Căn cứ theo tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, để thực hiện sản xuất kinh doanh bình thường đồng thời đảm bảo được quyền lợi của các cổ đông, cũng như quản lý, phát triển được nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi chuyển sang công ty cổ phần, Công ty đề xuất Vốn điều lệ của Visalco sau cổ phần hóa với cơ cấu như sau:

- Vốn điều lệ : **43.691.200.000 đồng** (Bốn mươi ba tỷ, sáu trăm chín mươi một triệu hai trăm nghìn đồng)
- Mệnh giá một cổ phần : **10.000 đồng**
- Số lượng cổ phần : **4.369.120 cổ phần**
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty đã được phê duyệt ban đầu tại Quyết định số 318/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 20/11/2020 của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc như sau:

Bảng 22: Cơ cấu vốn điều lệ của Visalco sau cổ phần hóa

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	2.839.928	28.399.280.000	65%
2	Cổ phần bán cho người lao động thường xuyên, trong đó:	264.200	2.642.000.000	6,0%
2.1	Lao động được mua theo giá ưu đãi (theo mức 100 cổ phần/năm)	246.500	2.465.000.000	5,6%
2.2	Lao động đủ điều kiện cam kết mua thêm cổ phần ưu đãi (theo mức 200 cổ phần/năm)	17.700	177.000.000	0,4%
2	Cổ phần bán đấu giá công khai cho nhà đầu tư bên ngoài	1.264.992	12.649.920.000	29,0%
	Tổng cộng	4.369.120	43.691.200.000	100%

Căn cứ Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính Phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Tổng công ty Lương thực Miền Bắc đã ban hành Quyết định số 353/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 25/12/2020 về phê duyệt sửa đổi, bổ sung Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam. Tổng công ty đã bổ sung nội dung quy định về trình tự bán cổ phần theo quy định tại Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020, như sau: *"Trình tự bán cổ phần: Thực hiện bán cổ phần cho người lao động trong công ty trước khi bán đấu giá công khai ra công chúng, Ban Chỉ đạo báo cáo Tổng công ty Lương thực miền Bắc bổ sung vào số lượng cổ phần bán đấu giá công khai ra công chúng"*;

Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam đã triển khai bán cổ phần cho người lao động và Ban Chỉ đạo cổ phần hóa đã báo cáo kết quả bán cổ phần cho Tổng Công ty. Tổng Công ty đã ban hành quyết định số 08/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 14/01/2021 về việc điều chỉnh số lượng cổ phần chào bán công khai ra công chúng tại Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam.

Cơ cấu vốn điều lệ của Visalco được điều chỉnh như sau:

- 1.1 Cổ phần nhà nước (Tổng công ty Lương thực miền Bắc): 2.839.928 cổ phần chiếm 65% vốn điều lệ**
- 1.2 Cổ phần chào bán cho cán bộ quản lý và người lao động: 249.800 cổ phần, chiếm 5,72% vốn điều lệ**
- 1.3 Cổ phần bán đấu giá công khai cho nhà đầu tư bên ngoài: 1.279.392 cổ phần chiếm 29,28% vốn điều lệ**

Sau khi chính thức chuyển đổi sang Công ty cổ phần, trên cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình thực tế, Ban lãnh đạo Công ty sẽ xem xét các hoạt động tăng (giảm) vốn điều lệ để đệ trình ĐHĐCĐ của Công ty.

V. RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định, bởi sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế, nên hoạt động kinh doanh của Công ty cũng sẽ chịu những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

Rủi ro về chi phí vốn: Để phục vụ kinh doanh, đầu tư, hầu hết tất cả các doanh nghiệp đều phải sử dụng vốn vay. Do đó, lãi suất tiền vay (là chi phí sử dụng vốn) trở thành bộ phận ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp. Khi lập kế hoạch kinh doanh và dự án đầu tư, lãi suất tiền vay đã được dự tính. Song, có rất nhiều nhân tố nằm ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp tác động đến lãi suất tiền vay, nhất là khi lạm phát xảy ra. Việc lãi suất tiền vay biến động sẽ làm ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp.

Rủi ro về sức mua của thị trường: Tình hình kinh tế khó khăn khiến nhu cầu mua của thị trường bị suy giảm cũng tác động rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nhưng những rủi ro này thường không kéo dài, do vậy cần có những biện pháp kích phù hợp để đảm bảo nguồn ra của sản phẩm hàng hoá.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái: Với những khoản vay hoặc những hợp đồng mua bán bằng ngoại tệ, khi tỷ giá hối đoái tăng, số lỗ về tỷ giá có thể làm giảm đáng kể, thậm chí là triệt tiêu toàn bộ lợi nhuận thu được trong kinh doanh. Do đó phải đánh giá và lượng hóa các chi phí có thể phải bỏ ra kể cả chênh lệch tỉ giá để so sánh với lợi ích thu về đảm bảo không bị động khi tỷ giá thay đổi.

Để hạn chế bớt tác động của rủi ro kinh tế, Công ty cần chú trọng cải tiến hệ thống quản trị, nâng cao chất lượng phục vụ và chú trọng đến vấn đề quản lý chi phí.

2. Rủi ro về luật pháp

Sau khi hoàn thành công tác cổ phần hóa, mọi hoạt động kinh doanh của Công ty đều chịu ảnh hưởng bởi các quy định của pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, các luật về thuế... và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Hiện nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta đã dần hoàn thiện và luôn được thay đổi cho phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, hệ thống văn bản này còn phải tiếp tục điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Do vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhập với sự vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới.

Để hạn chế những tác động của rủi ro liên quan đến luật pháp, Công ty cần luôn chủ động, thường xuyên cập nhật quy định pháp luật, tìm hiểu, nghiên cứu về các thay đổi của pháp luật đồng thời thông tin kịp thời tới toàn thể cán bộ, nhân viên của Công ty.

3. Rủi ro về cân đối dòng tiền

Việc cân đối được luồng tiền thu - chi của doanh nghiệp là vô cùng quan trọng. Tình trạng mất cân đối về dòng tiền có thể xảy ra, khi tại doanh nghiệp tiền thu nhỏ hơn lượng tiền chi. Việc này làm ảnh hưởng lớn đến uy tín của doanh nghiệp do không thanh toán được vật tư, nhân công, không trả được các khoản nợ đến hạn một cách kịp thời dẫn đến việc khiếu kiện ...

Sự mất cân đối dòng tiền được chia thành: mất cân đối tạm thời và mất cân đối dài hạn. Có thể nói, ở bất kỳ doanh nghiệp nào cũng xảy ra mất cân đối tạm thời do việc thu hồi các khoản nợ phải thu không đúng kế hoạch; việc góp vốn không được thực hiện đúng cam kết... mất cân đối tạm thời về dòng tiền có thể khắc phục được bằng nhiều biện pháp và hậu quả thường không lớn. Tuy nhiên, theo BCTC đã kiểm toán năm 2020 của Công ty, tại 31/12/2020 ở Công ty tồn tại nhiều khoản phải thu đã trích lập dự phòng lên tới 17.593.674.053 đồng và khoản phải vay ngắn hạn với số nợ gốc là 23.587.843.072 đồng, Công ty không lưu trữ hồ sơ, không có xác nhận số dư, chưa ước tính nghĩa vụ có thể phát sinh cho các khoản vay này. Do đó, Công ty tiềm ẩn khá nhiều yếu tố gây rủi ro về cân đối dòng tiền của doanh nghiệp.

Mất cân đối dài hạn xảy ra do những nguyên nhân quan trọng như: phần chi phí cố định trong tổng chi phí của doanh nghiệp quá lớn do doanh thu bị sụt giảm hoặc không đủ bù đắp chi phí thường xuyên, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh lỗ; thiếu hụt vốn lưu động; nợ khó đòi tăng lên ... Mất cân đối dài hạn về dòng tiền có thể làm cho doanh nghiệp bị phá sản.

4. Rủi ro đặc thù ngành

Lĩnh vực muối là một trong lĩnh vực phụ thuộc lớn vào biến động của thời tiết. Hiện tượng mưa lũ, thiên tai, ... diễn ra sẽ ảnh hưởng tới hoạt động khai thác thu gom muối của doanh nghiệp.

5. Rủi ro về đợt chào bán cổ phiếu

Thị trường chứng khoán Việt Nam chưa thực sự sôi động; thêm vào đó, lịch thoái vốn, cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà Nước khá nhiều trong năm 2021 sẽ là thách thức không nhỏ đối với Công ty trong việc bán hết số lượng cổ phần chào bán ra công chúng.

6. Các rủi ro khác

Các rủi ro khác như rủi ro về chiến tranh, biến động chính trị, xã hội, ... là những rủi ro bất khả kháng đều có ảnh hưởng đến ngành lương thực nói chung và doanh nghiệp nói riêng.

VI. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Phương thức bán cổ phần

1.1 Đối với người lao động

Căn cứ Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam, tổng số lượng cổ phần Công ty chào bán cho người lao động theo chính sách ưu đãi trong doanh nghiệp cổ phần hóa là 264.200 cổ phần, tương ứng 6,0% vốn điều lệ, cụ thể như sau:

a. Chào bán cho người lao động đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi theo năm làm việc trong khu vực Nhà nước

- Mua cổ phần với giá ưu đãi theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước:

Tổng số lao động đủ điều kiện mua	: 195 người
Tổng số cổ phần được mua ưu đãi	: 246.500 cổ phần, chiếm 5,6% vốn điều lệ
Giá bán	: 6.000 VNĐ/CP (60% giá trị 01 cổ phần tính theo mệnh giá 10.000 VNĐ/CP)
Thời gian bán	: Việc triển khai bán cổ phần cho người lao động đã thực hiện xong trong tháng 12/2020

b. Chào bán thêm cho cán bộ công nhân viên có cam kết làm việc lâu dài

- Điều kiện mua:
 - + Độ tuổi: Nam từ 57 tuổi trở xuống và Nữ từ 52 tuổi trở xuống;
 - + Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa;
 - + Người lao động thuộc đối tượng đơn vị cần sử dụng;
 - + Có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu sau khi cổ phần hóa).
- Số lượng cổ phần đăng ký mua: Mỗi người lao động chỉ được quyền mua thêm cổ phần ưu đãi theo **một trong hai** trường hợp sau:
 - + Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong Công ty nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người.
 - + Riêng đối tượng là các *chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao* làm việc tại Công ty được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong Công ty nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người (Tại Công ty không phát sinh trường hợp này)
- Giá mua: 21.300 VNĐ/CP

Tổng hợp cổ phần chào bán thêm cho cán bộ công nhân viên có cam kết làm việc:

✓ Tổng số cổ phần đăng ký mua theo mức 200 cổ phần/năm cam kết	17.700 cổ phần, chiếm 0,4% vốn điều lệ
✓ Giá bán	21.300 VNĐ/CP
✓ Thời gian bán	Việc triển khai bán cổ phần cho người lao động đã thực hiện xong trong tháng 12/2020

Kết quả chào bán cổ phần ưu đãi cho người lao động khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam, cụ thể như sau:

- Tổng số lượng cổ phần đã thực hiện bán thành công cho người lao động: **249.800** cổ phần, đạt **94,55%** số lượng cổ phần chào bán theo phương án.

- Số lượng cổ phần do người lao động nắm giữ: **5,72%** vốn điều lệ.

1.2 Đối với Nhà đầu tư tham dự đấu giá công khai

1.2.1 Số lượng cổ phần chào bán đấu giá công khai:

- Theo Quyết định số 08/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 14/01/2021 về việc điều chỉnh số lượng cổ phần chào bán công khai ra công chúng tại Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam, số lượng cổ phần Công ty chào bán cho nhà đầu tư bên ngoài thông qua hình thức đấu giá công khai 1.279.392 cổ phần chiếm 29,28% vốn điều lệ.

1.2.2: Giá khởi điểm: 21.300 đồng/Cổ phần

1.2.3: Đơn vị tổ chức bán đấu giá cổ phần: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1.2.4: Thời gian bán đấu giá: Được quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam do sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.

1.2.5: Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước.

Theo Điều 2.3 và Phụ lục 03 của Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 về công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam không được thực hiện quyền phân phối gạo... Hiện nay, Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam đang có đăng ký ngành nghề kinh doanh là “Bán buôn gạo”. Do đó, tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần theo quy định hiện hành là 0%.

Việc tiến hành chào bán tiếp số cổ phần chưa bán được (nếu có) trong quá trình cổ phần hóa sẽ được tiến hành theo các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

Đối với người lao động mua cổ phần ưu đãi: Thực hiện theo thông báo bán cổ phần cho người lao động do Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam ban hành.

Đối với nhà đầu tư trúng đấu giá: Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.

3. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa

Theo Phương án cổ phần hóa, kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty dự kiến như sau:

Bảng 23: Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	Số tiền
1	Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo sổ sách kế toán	28.399.282.417
2	Vốn điều lệ của Công ty	43.691.200.000
2.1	<i>Vốn Nhà nước</i>	<i>28.399.280.000</i>
2.2	<i>Vốn đầu tư của người lao động</i>	<i>3.338.820.000</i>
2.3	<i>Vốn đầu tư của các cổ đông khác (đấu giá công khai)</i>	<i>11.953.100.000</i>
3	Giá khởi điểm dự kiến bán	21.300
4	Tiền thu từ bán cổ phần	28.800.339.600
4.1	<i>Vốn của người lao động mua theo năm công tác</i>	<i>1.479.000.000</i>
4.2	<i>Vốn của người lao động cam kết mua thêm</i>	<i>377.010.000</i>
4.3	<i>Vốn đầu tư của các cổ đông khác (đấu giá công khai)</i>	<i>26.944.329.600</i>
5	Tổng giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm (5 = 2.2+2.3)	15.291.920.000
6	Chênh lệch giữa tiền thu từ bán cổ phần với giá trị mệnh giá cổ phần đã bán (6=4-5)	13.508.419.600
7	Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng với tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/Vốn điều lệ	4.638.068.093
8	Chi phí cổ phần hóa	1.390.986.000
9	Chi phí hỗ trợ lao động dôi dư	1.594.188.677

TT	Nội dung	Số tiền
10	Giá trị phần vốn nhà nước đầu tư tại Công ty (2.1)	28.399.280.000
11	Tổng số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (1+6-7-8-9-10)	5.885.176.830

VII. KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ LƯU KÝ, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH UPCOM.

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định 126/2017/NĐ-CP; Thông tư số 40/2018/TT-BTC và Nghị định 140/2020/NĐ-CP, Công ty sẽ đồng thời thực hiện việc đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch cổ phần trên Sở giao dịch chứng khoán. Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, Công ty sẽ hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

VIII. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA

- Ông **Phạm Thanh Bằng** Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Lương thực Miền Bắc - Trưởng ban;

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là đầy đủ, chính xác, trung thực và phù hợp với thực tế doanh nghiệp tại Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp, Phương án cổ phần hóa đã được Tổng công ty Lương thực Miền Bắc phê duyệt.

2. ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV MUỐI VIỆT NAM

- Ông **Vũ Trung Khiên** Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là đầy đủ, chính xác, trung thực theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam.

3. ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

- Bà **Nguyễn Thị Thanh Thủy** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

(Theo ủy quyền số 01/2021/UQ-BVSC ngày 04/01/2021 của Tổng Giám đốc)

Bản Công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc tại Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam. Bản Công bố thông tin này có một số những lưu ý, điều kiện và hạn chế sau:

- Việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này dựa vào các thông tin, số liệu và tài liệu do Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam cung cấp, cũng như được tham khảo từ các nguồn khác mà chúng tôi coi là đáng tin cậy và toàn bộ nội dung trong Bản công bố thông tin đã được Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam xác nhận. BVSC không chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu do Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam cung cấp và BVSC thu thập được. Các BCTC được thu nhập và sử dụng trong Bản công bố thông tin này bao gồm:

- BCTC của Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam năm 2018, 2019 và 2020 được

kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

- Bản công bố thông tin này chỉ xem xét những thông tin và điều kiện tồn tại về số liệu tài chính tính đến ngày 31/12/2020 do Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam cung cấp, một số thông tin khác đã được cập nhật đến thời điểm công bố thông tin;

- Chúng tôi giả định rằng Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ về hoạt động kinh doanh;

Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt, nhân viên của Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (bao gồm cả nhân viên thực hiện Bản Công bố thông tin này) có thể đang thực hiện các dịch vụ môi giới, tư vấn đầu tư, tư vấn đăng ký tham dự đấu giá hoặc các dịch vụ khác trong phạm vi pháp luật cho phép liên quan đến việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam. Nhà đầu tư cần xem xét, đánh giá khả năng mâu thuẫn lợi ích khi sử dụng Bản Công bố thông tin này.

Bản công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp, các quy định của pháp luật hiện hành và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.



Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2021

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC**

TRƯỞNG BAN



Phạm Thanh Bằng

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY TNHH MTV MUỐI VIỆT NAM**

GIÁM ĐỐC



Vũ Trung Khiên

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thanh Thủy